



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ  
TRƯỜNG THÀNH**



Cho Trái Đất Luôn Xanh



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2009**



## NỘI DUNG

Phần 1: Thông điệp của Chủ tịch hội đồng Quản trị	2
Phần 2: Giới thiệu chung	4
Phần 3: Lịch sử hoạt động	10
Phần 4: Báo cáo của Hội Đồng Quản trị	27
Phần 5: Báo cáo của Ban điều hành	34
Phần 6: Báo cáo tài chính (đã kiểm toán) kèm thuyết minh	54
Phần 7: Ý kiến của Kiểm toán và Ban kiểm soát	87
Phần 8: Các công ty có liên quan	94
Phần 9: Tổ chức và nhân sự	98
Phần 10: Thông tin cổ đông và quản trị công ty Công ty	108
Phụ lục 1: Hiệu quả Xã hội và các tác động với môi trường	118
Phụ lục 2: Các hoạt động Xã hội trong năm 2009	120
Phụ lục 3: Câu hỏi và Trả lời (Q&A)	122

## Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản trị

Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Một năm nữa đã trôi qua trong bối cảnh nền kinh tế thế giới còn khủng hoảng và đặc biệt các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp chế biến gỗ chúng ta gặp nhiều khó khăn khi các thị trường chính đều bị thu hẹp. Sự hỗ trợ lãi suất của Chính phủ chỉ được thụ hưởng trong vòng 6 tháng, trong khi đó chúng ta phải tiếp tục cạnh tranh giành lấy khách hàng và thị trường trong cuộc chiến không cân sức so với doanh nghiệp gỗ của các nước khác vì phải gánh nặng trên vai lãi suất ngân hàng gấp hai ba lần

Thú thật, tôi và Hội đồng Quản trị đã đối diện với những thử thách lớn và khó khăn chưa bao giờ nhiều như vậy trong cuộc đời doanh nhân của mình.

Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Tôi và Ban Điều hành cũng đã cố gắng giảm phần lớn tồn kho của năm 2008 (được xác định như là nguyên nhân chính làm cho Công ty phải chịu chi phí tài chính cao, giảm đi hiệu quả trong kỳ trước), nhưng cũng phải mua thêm các loại nguyên liệu khác để phục vụ cho những đơn hàng đang thực hiện. Và lại, quy mô sản xuất của chúng ta hiện nay đã lớn hơn khá nhiều so với đầu năm 2009. Điều này đã làm cho Ban Điều hành không thực hiện được tốt hơn nữa. **Tôi thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành xin lỗi Quý vị Cổ đông vì không đủ khả năng thực hiện hoàn hảo mong đợi của Quý vị trong việc thực hiện các mục tiêu của kế hoạch kinh doanh.**

Tuy nhiên, với những diễn tiến gần đây, đặc biệt là tăng trưởng xuất khẩu đồ gỗ quý 1 lần đầu tiên trong những năm qua đã tăng trưởng đến 31,7%, chúng ta có thể xem như là đã vượt qua khủng hoảng và chẳng những duy trì được vốn chủ sở hữu và các nguồn lực khác của mình mà còn mạnh mẽ hơn kể cả việc phát triển quy mô và tăng mạnh sức cạnh tranh. Khách hàng quốc tế hiện tìm đến với chúng ta mỗi lúc càng nhiều hơn và các đơn hàng lớn ký kết được trong tháng 3 và tháng 4 năm nay đều có giá tốt sẽ làm cho việc sản xuất cũng như giao hàng ổn định đến tận tháng 6 năm 2011. Điều đó giúp chúng ta có một mùa bội thu ở cuối năm này.

Việc đầu tư vào trồng rừng trong những năm qua, chẳng những cho phép chúng ta khai thác gỗ nguyên liệu trong năm nay để tăng hiệu quả hoạt động mà còn cho chúng ta cơ hội để liên doanh với một đối tác chiến lược vào hàng lớn nhất thế giới với những điều khoản có lợi ích cao cho chúng ta kể cả ngắn và dài hạn

Hơn thế nữa, việc đồng Nhân dân tệ của Trung quốc phải lên giá trong Quý 2 và 3 này sẽ làm cho nhà sản xuất mạnh nhất thế giới trong ngành gỗ giảm đáng kể sức cạnh tranh và nếu không tăng giá đồng Nhân dân tệ họ sẽ bị áp thuế chống phá giá trên diện rộng. Điều này đem lại sức cạnh tranh mới và mạnh mẽ cho hàng hóa của chúng ta. **Và tôi tin tưởng mãnh liệt rằng Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đủ kinh nghiệm và bản lĩnh để tận dụng thời cơ hiếm có và quan trọng này.**

Tôi muốn nói lên lời cảm ơn chân thành tận đáy lòng với Quý vị Cổ đông vì sự thông cảm, chia sẻ, động viên và luôn đồng hành với Công ty trong suốt một năm đầy sóng gió vừa qua. **Tôi và Hội đồng Quản trị cam kết sẽ tiếp tục phấn đấu và trung thành vì lợi ích và sự phát triển của Công ty chúng ta.**

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành xin kính chúc Quý vị Cổ đông một năm thắng lợi, may mắn và hạnh phúc.

Ngày 7 tháng 4 năm 2010



VÕ TRƯỜNG THÀNH  
Chủ tịch HĐQT





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
(Mã CK: TTF)

Tên tiếng Anh: **TRUONG THANH FURNITURE CORPORATION**  
Tên viết tắt: **TTFC** hoặc **TTF**

Logo của Công ty



**Vốn Điều lệ:** 205.000.000.000 VND (hai trăm lẻ năm tỷ đồng VN)

**Trụ sở chính:** Đường DT747, Khu phố 7, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương  
**Điện thoại:** (84-0650) 3642 004 **Fax:** (84-0650) 3642 006  
**Email:** contact@truongthanh.com  
**Website:** www.truongthanh.com

**Giấy CNĐKKD:** Số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 14 tháng 12 năm 2009

**Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo giấy CNĐKKD là:**

- Sản xuất đồ mộc, gỗ dán, ván mỏng, lạng, ván ép, ván sàn nội thất
- Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ
- Sản xuất bao bì
- Đại lý ký gửi hàng hóa
- Mua bán thủy hải sản, sản phẩm nông lâm sản, phân bón
- Vận tải hàng hóa đường bộ
- Kinh doanh bất động sản
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng

## Tầm nhìn

Luôn giữ vững vị thế hàng đầu trong ngành chế biến gỗ, trồng rừng tại Việt Nam và khu vực ASEAN.





# Sứ mệnh

Mang “cơ hội lợi nhuận” đến cho nhiều nhà nhập khẩu, bán sỉ và phân phối đồ gỗ trên thế giới, cũng như các đại lý tại Việt Nam;

Luôn gia tăng sự thỏa mãn của khách hàng theo các tiêu chí đã đề ra: giá cả cạnh tranh, giao hàng đúng hạn, chất lượng đúng thỏa thuận, luôn cải tiến và phục vụ tốt nhất;

Mang đến cho cuộc sống những sản phẩm gỗ đẹp mắt, tiện dụng, chắc chắn, làm cho người sử dụng cảm thấy thoải mái, hạnh phúc và an toàn hơn;

Tạo ra và nuôi dưỡng một văn hóa Trường Thành, một môi trường làm việc thật khoẻ khoắn, sang tạo, tôn trọng và vui vẻ, mà trong đó CBCNV luôn được đền bù công bằng, và CBCNV cũng được khuyến khích luôn tôn trọng khách hàng cũng như chất lượng sản phẩm của TTF. Ngoài ra còn giúp CBCNV có năng lực, nhiệt tình, thâm niên trở thành người chủ thật sự của TTF thông qua chương trình ESOP. Đặc biệt, các khóa huấn luyện về kỹ năng quản trị của nội bộ Công ty sẽ giúp CBCNV mỗi ngày đảm trách những vị trí quan trọng hơn;

Tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông của TTF nhưng luôn có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, giữ cho tài chính TTF khoẻ mạnh trên đường dài và đền bù xứng đáng cho những nhà đầu tư của TTF;

Trồng rừng, góp phần bảo vệ môi trường, chống phá rừng trên toàn thế giới, kinh doanh có trách nhiệm, để TTF nói riêng và ngành chế biến gỗ nói chung có thể phát triển bền vững.



# Năng lực cốt lõi

Đã xây dựng thành công một nền văn hóa công ty, đây là sợi dây vô hình liên kết hàng ngàn người trong doanh nghiệp chung sức cho **thương hiệu Trường Thành**;

Công ty đã được xây dựng dựa trên những thông lệ và chuẩn mực quản trị tốt nhất của thế giới, góp phần làm cho khách hàng an tâm và thỏa mãn hơn, từ đó khách hàng luôn tìm đến với Công ty;



Tự thiết kế và bán trên 80% sản lượng từ thiết kế của mình trong hơn 4 năm qua, **đặc biệt từ tháng 6 năm 2010, Công ty sẽ tung ra thị trường trong nước và quốc tế nhiều dòng sản phẩm mới, mang tính chiến lược và tạo bước đột phá mới cho TTF, và chúng ta có thể xem đây là một cuộc cách mạng trong ngành vật liệu xây dựng và trang trí nội thất**;

**Có nguồn nguyên liệu ổn định, số lượng lớn, giá rẻ mà vẫn đạt được yêu cầu của FSC (Forestry Stewardship Council) - C.o.C (Chain of Custody), hoặc đạo luật Lacey của Mỹ bắt đầu áp dụng chính thức đối với hàng mộc từ 1/4/2010, hay của Hiệp định FLEGT của Cộng đồng Châu Âu đang hình thành dự định ban hành trong vài năm tới**;

Nắm giữ nhiều bí quyết làm ra sản phẩm chất lượng cao, đạt yêu cầu kỹ thuật và thông hiểu các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn (BS EN 581, BRC, CARB...), về đóng gói (ISTA)... từ nhiều năm trước;



Am hiểu sâu về gỗ Teak từ đặc tính, nguồn gỗ đến thị trường nên đã trở thành nhà sản xuất và xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam trên 8 năm qua;

Xây dựng thành công 1 thương hiệu B2B (Business to Business) nổi tiếng về chất lượng trong giới mua hàng quốc tế, cũng như đạt được nhiều giải thưởng trong và ngoài nước về chất lượng và uy tín kinh doanh, **đảm bảo “khách hàng luôn tìm thấy chúng ta”** chứ không phải lúc nào chúng ta cũng phải đi tìm khách hàng như phần lớn các doanh nghiệp khác;

**Thương hiệu “Truong Thanh” đã được đăng ký bảo hộ tại Mỹ, Anh, Pháp và Việt Nam;**

Có khả năng bán hàng trực tiếp đến các hệ thống siêu thị, chuỗi bán lẻ, nhà bán sỉ lớn trên thế giới mà không phải lúc nào cũng phải thông qua các công ty trung gian như nhiều bạn đồng ngành khác;

Có đội ngũ tiếp thị quốc tế với đa phần cán bộ tốt nghiệp chuyên ngành từ Châu Âu, Mỹ và Úc nên có khả năng tìm kiếm – cập nhật nhanh chóng các thông tin về thị trường, về xu hướng thiết kế, về tình hình nguyên vật liệu, từ đó Ban Lãnh đạo sớm có định hướng kịp thời và hiệu quả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh;

Đội ngũ kinh doanh quốc tế có khả năng giao tiếp lưu loát bằng tiếng Anh, Pháp, Nhật và Hoa, có kinh nghiệm trên 16 năm trong việc đàm phán các hợp đồng ngoại thương cũng như xử lý kịp thời – hiệu quả các tình huống trong thanh toán quốc tế và xuất nhập khẩu;

Sở hữu nhiều máy móc chế biến gỗ hiện đại, đa năng, công suất cao thuộc hàng bậc nhất Việt Nam, được nhập khẩu từ Ý, Đức, Nhật bản kết hợp công nghệ quang học và điện toán để có thể chọn lọc gỗ bằng mắt thần quang học, cũng như **tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu thô theo giá trị thu hồi bằng phần mềm điện toán, chứ không phải khái niệm tối ưu theo tỷ lệ khối lượng thu hồi như trước đây.** Các máy móc thế hệ mới này được nối lại với nhau bằng cáp quang và thông qua server tại văn phòng chính

của Công ty đến bưu điện. Từ đó chúng ta có thể cho phép chuyên gia từ Đức, Ý sửa chữa hoặc vận hành sản xuất theo những thiết kế mới một cách tức thì. **Việc trang bị nhiều máy móc thiết bị hiện đại này sẽ giúp cho Công ty vượt qua được thử thách mới sau 5 năm nữa, lúc mà lương của công nhân sẽ tăng cao gấp 3 lần hiện nay và ngay cả khi 10 năm nữa lương công nhân đến hơn 10 lần hiện tại;**



Có khả năng duy trì và phát triển tốt hệ thống truy tìm nguồn gốc sản phẩm đạt chuẩn C.o.C, được đánh giá và chứng nhận định kỳ bởi tổ chức SGS từ năm 2002;

Có khả năng vận hành nhuần nhuyễn hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, được đánh giá và chứng nhận định kỳ bởi tổ chức SGS. Có hơn 50 đánh giá viên nội bộ được đào tạo chính quy và cấp chứng nhận bởi tổ chức BVQI và SGS;

Đội ngũ cán bộ - nhân viên chủ chốt rất năng động và có tinh thần trách nhiệm cao, mà phần lớn đã là cổ đông của Công ty nên độ gắn kết với Công ty là rất lớn;

Ban Lãnh đạo, đặc biệt là Tổng Giám đốc (kiêm Chủ tịch HĐQT), người đứng đầu doanh nghiệp, không những có kinh nghiệm và kiến thức sâu rộng về quản trị kinh doanh mà còn rất am hiểu về kỹ thuật – công nghệ chế biến gỗ. Đây là trường hợp khá hiếm trong ngành chế biến gỗ của Việt Nam. **Và Ông còn là Chủ tịch Hiệp hội Chế biến Gỗ Bình Dương – 1 tỉnh của Việt Nam có kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ chiếm đến 50% toàn quốc**



Có khả năng sản xuất những đơn hàng rất lớn do dự trữ được nhiều nguyên liệu và đầu tư mạnh cho máy móc thiết bị hiện đại;

Sở hữu nhiều rừng đến chu kỳ khai thác lấy gỗ từ năm 2010. Nắm giữ nhiều diện tích đất đai để trồng rừng trong những năm tiếp theo. Áp dụng phương pháp khai thác chế biến luân kỳ và kinh doanh bền vững. Được hỗ trợ kỹ thuật từ những đối tác danh tiếng và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng rừng trên thế giới. Nhận được tài trợ của Chính phủ lên đến 70% trong việc xây dựng vườn ươm – nuôi cấy mô – chọn lọc giống bằng công nghệ Acid deoxyribonucleic (ADN). Vườn ươm sử dụng công nghệ tưới ngầm với chi phí hoạt động thấp, tiết kiệm được nhiều tài nguyên.

**Là một nhóm công ty chế biến gỗ liên kết với nhau thành một chuỗi sản xuất gần như khép kín từ các nguyên liệu đầu vào như rừng, gỗ, ván dăm, ván ép, ván lạng đến thành phẩm và bao bì đóng gói, hạn chế sự lệ thuộc vào nhiều nhà cung cấp từ bên ngoài Tập đoàn, gia tăng sự kiểm soát về chất lượng và ngày giao hàng cho khách.**



## PHẦN 3 LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

### 1. Những sự kiện quan trọng

**Năm 2000:** Thành lập Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTF), mua lại nhà máy VINAPRIMART của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tiên của tỉnh Bình Dương, chuyên sản xuất dũa gỗ, để chuyển thành nhà máy chế biến ván sàn và đồ gia dụng nội – ngoại thất bằng gỗ cho thị trường xuất khẩu.

**Năm 2001:** TTF tham gia Hội chợ chuyên ngành quốc tế đầu tiên tại Singapore, Mỹ và Nhật Bản, tiếp cận hơn 300 khách hàng mới, bắt đầu bán hàng trực tiếp vào các hệ thống siêu thị hàng đầu Châu Âu như Carrefour, Homebase, Castorama, Tesco...

**Năm 2002:** Khách hàng quốc tế đặt hàng vượt quá công suất của TTF nên TTF bắt đầu chuyển một số đơn hàng ra cho một số công ty khác trong nhóm các công ty cùng tên Trường Thành (nhưng lúc đó vẫn còn hạch toán độc lập và chưa có việc đầu tư liên kết).

**Năm 2003:** TTF chuyển từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần với chương trình ưu đãi cho một số cán bộ chủ chốt mua cổ phần với giá bằng mệnh giá nhằm thu hút và “giữ chân” nhân tài.

**Năm 2004:** Công suất của TTF và các công ty cùng tên trong nhóm không còn đáp ứng những đơn hàng cứ tăng liên tục trên 20%/năm của TTF, do đó, TTF đã bắt đầu chuyển một số đơn hàng ra cho các bạn đồng ngành khác tại TP.HCM, Bình Dương và Quy Nhơn.

**Năm 2006:** Sau gần 10 tháng tìm hiểu, thẩm định kết quả kinh doanh cũng như đánh giá tiềm năng phát triển của TTF, Quỹ Aureos Đông Nam Á (ASEAF) đã trở thành cổ đông nước ngoài đầu tiên của Công ty vào ngày 31/12/2006, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng cho sự phát triển của TTF.



**Năm 2007:** Công ty tiếp tục thu hút vốn từ các nguồn cổ đông trong và ngoài nước, tăng vốn điều lệ lên thành 150 tỷ đồng cùng với thặng dư vốn trên 470 tỷ đồng. Các cổ đông chiến lược và các cổ đông lớn bao gồm Aureos South East Asia Managers Ltd, VOF Investment Limited, Công ty CK Bảo Việt, Tong Yang, KITMC, Vietnam Emerging Equities Fund, Vietnam Holding, Vietnam Investment Fund...



**Năm 2007:** Mua 70% cổ phần của 2 công ty chế biến sản phẩm gỗ có cùng tên Trường Thành mà trước đây chủ yếu do Ông Võ Trường Thành và Bà Diệp Thị Thu sở hữu, đó là Công ty Cổ phần Trường Thành (TTDL1) (trước đây là XN Tư doanh, thành lập từ 1993) và Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Trường Thành (TTDL2). Cả 2 công ty này đều nằm trên Quốc lộ 14, xã Earal, huyện EaH'Leo, Đăklăk. Đây là 2 công ty có chấp thuận cho TTF nắm quyền kiểm soát chi phối theo mô hình công ty mẹ con ngay từ khi được đầu tư và kể cả khi cả TTF chưa hoàn tất Quy chế Quản trị mô hình công ty mẹ-con.

**Năm 2007:** Đầu tư tài chính dài hạn khoảng 180 tỷ vào các công ty như Lidovit, Phú Hữu Gia, Sông Hậu, Quỹ Bản Việt, Trường Thành tại Phú Yên, Trường Thành tại Tân Uyên, Trường Thành tại Thủ Đức...

**Năm 2008:** Tiếp tục đầu tư vào các công ty trên, đạt giá trị góp vốn tổng cộng khoảng 263 tỷ đồng.

**Năm 2008:** Là một trong 30 doanh nghiệp đầu tiên có thương hiệu được Chính phủ chọn vào Chương trình Thương hiệu Quốc gia



**Năm 2008:** Ngày 1/2/2008, Công ty đã nhận được quyết định số 24/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE) cho phép niêm yết chính thức 15.000.000 cổ phần TTF. Và ngày giao dịch chính thức đầu tiên của TTF trên HOSE là 18/2/2008. Đây là một cột mốc rất quan trọng của TTF.



Vietnam Value



**Năm 2009:** Tiếp tục đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty đã nêu trên và một số công ty mới, đạt giá trị góp vốn tại 31/12/2009 theo chi tiết như sau:

TÊN CÔNG TY	GIÁ TRỊ VỐN GÓP (VND)
Công ty CP Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	63.800.000.000
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (HCM)	9.900.000.000
Công ty CP Trồng Rừng Trường Thành (Daklak)	26.809.360.000
Công ty CP Trường Thành Xanh (Phú Yên)	35.493.495.066
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành (Daklak)	23.261.278.917
Công ty CP Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên)	24.000.000.000
Công ty CP Phú Hữu Gia (Đồng Nai)	51.580.000.000
Công ty CP CN & TM Lidovit	2.212.000.000
Công ty CP Chế biến Thực phẩm Sông Hậu	12.226.720.000
Quỹ đầu tư chứng khoán y tế Bản Việt	30.000.000.000
Lâm trường Krong Pac – Dak Lak	20.647.455.153
Công ty CP Vật liệu Xây dựng Trường Thành (Phước An)	5.000.000.000
Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	5.600.000.000
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	5.400.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>315.930.309.136</b>

Tuy nhiên, các công ty nêu trên đều được chúng tôi thỏa thuận là công ty liên kết của TTF ngay cả khi TTF có nắm giữ trên 50% cho đến khi chúng tôi hoàn tất đưa vào áp dụng Quy chế quản trị mô hình công ty mẹ - con (dự kiến từ 2009 đến 2010)



## 2. Quá trình phát triển

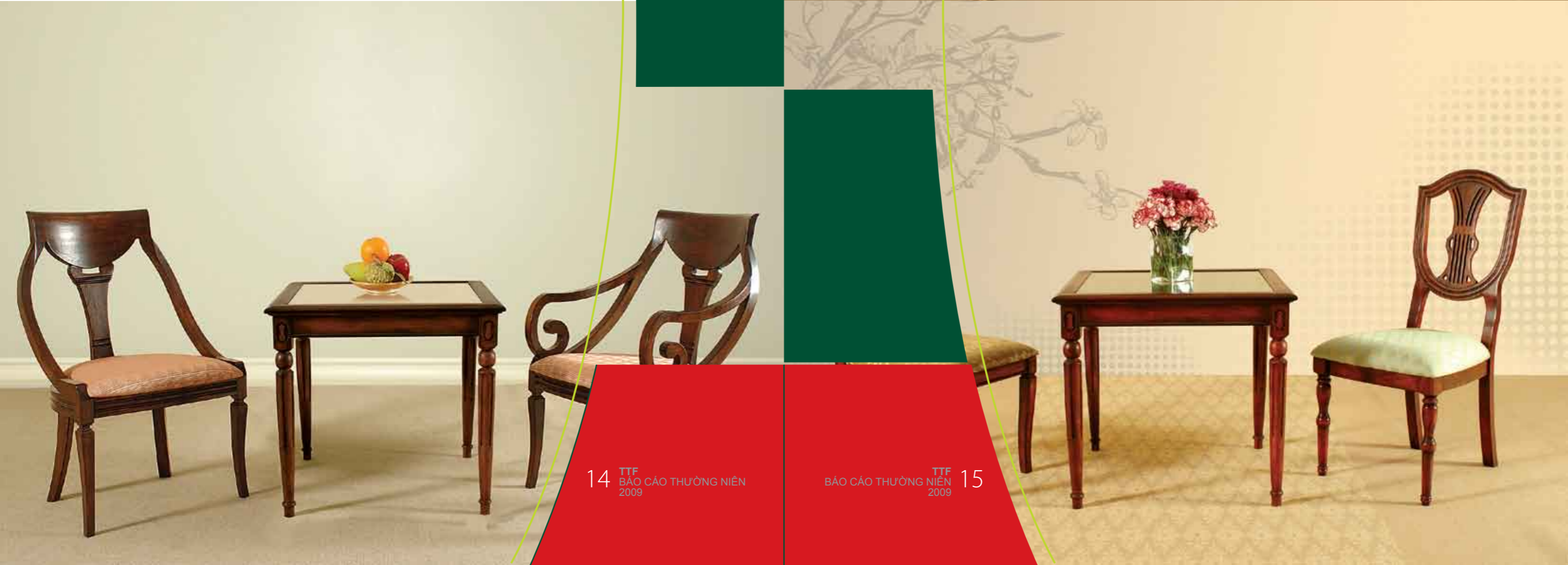
### 2.1. Ngành nghề kinh doanh:

Chủ yếu là sản xuất, mua bán, xuất khẩu sản phẩm bằng gỗ, cụ thể như sau:

#### a) Đồ gỗ nội thất



Đồ gỗ nội thất như bàn, ghế, tủ, giường, kệ...chủ yếu làm bằng gỗ Teak, Oak, Ash, Thông, Beech, Cao su, Tràm, ván sợi (MDF), ván dăm (PB), ván ép (Plywood) phủ bề mặt bằng ván lạng (veneer) hay giấy (paper) hay nhựa poly (melamine)...





### b) Đồ gỗ ngoại thất

Đồ gỗ ngoại thất như bàn, ghế, băng, ghế nằm, xe đẩy rượu...chủ yếu là bằng gỗ Teak, Bạch đàn, Xoan đào, Dầu, Chò chỉ, Tràm, Keo...



### c) Ván sàn gỗ, hàng rào, cửa



Nguyên liệu làm bằng gỗ Hương, Cẩm xe, Teak, Cherry, Bạch đàn, Tràm, Keo, gỗ ghép kỹ thuật cao dán veneer... chủ yếu là xuất đi Ý, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Mỹ, Úc... và trang bị cho các công trình lớn tại Việt Nam



### d) Khác

Ván dăm PB, gỗ xẻ, gỗ S4S, các chi tiết nhỏ bằng gỗ...



## 2.2. Tình hình hoạt động

### 2.2.1 Nguyên liệu chính theo dòng sản phẩm

Đồ gỗ nội thất (bàn, ghế, tủ, giường, kệ...): chủ yếu được làm bằng gỗ Teak, Còng, Thông, Beech, Cao su, Tràm, MDF/ PB/ Ván ép kết hợp veneer/ melamin... xuất sang thị trường Nhật bản, Mỹ và Châu Âu. **Tuy nhiên, trong năm 2009, toàn thế giới vẫn còn khủng hoảng kinh tế nên dòng hàng có nhu cầu cao hơn vẫn là dòng hàng có giá thấp, làm bằng gỗ cao su, tràm, keo... kết hợp ván nhân tạo.**

Đồ gỗ ngoại thất (bàn, ghế, băng, ghế nằm, xe đẩy rượu...): chủ yếu được làm bằng gỗ Teak, Bạch đàn, Dầu, Chò chỉ, Xoan đào, Tràm, Keo,... xuất sang thị trường Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Đức, Hà Lan, Hy Lạp, Phần Lan, Đan Mạch, Mỹ, Brazil, Mexico, Argentina, Nam Phi, Úc, Nhật, Hàn quốc, Hồng Kông,... Mẫu mã hiện đại, phối hợp chung với khung kim loại, kính, đá granite, textilen,... có yêu cầu khá cao về tiêu chuẩn an toàn, tính thời trang và tính tiện dụng. Xu hướng dùng nguyên liệu có chứng nhận FSC (chứng nhận về rừng được quản lý bền vững) hoặc tương đương vẫn tăng cao, nguyên liệu ít được chứng nhận do xuất phát từ rừng trồng tự nhiên như Dầu, Chò chỉ,... vẫn đang giảm dần. **Nguyên liệu có giá trị cao như Teak vẫn chưa tăng mạnh trở lại như giai đoạn trước đây 2 năm. Tuy nhiên theo nhận định của nhiều khách hàng thì dòng hàng này sẽ quay trở lại mạnh mẽ từ tháng 9 năm 2010**

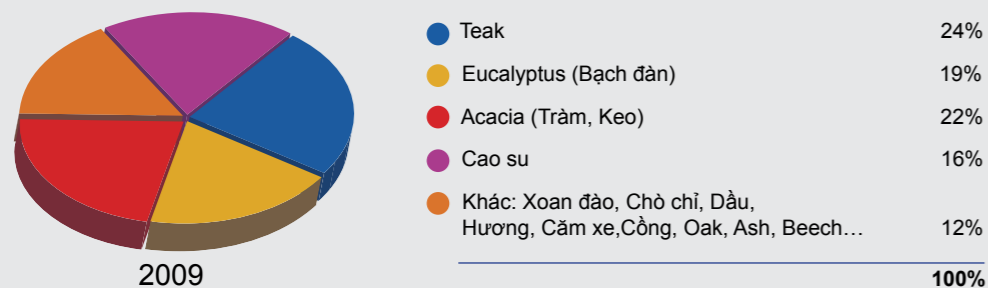
Ván sàn gỗ dành cho trong nhà và ngoài trời: chủ yếu được làm bằng gỗ Teak, Hương, Cẩm xe, Còng,... xuất sang thị trường Nhật bản, Ý, Tây Ban Nha, Mỹ, Úc... và các công trình xây dựng – trang trí nội thất trong nước. Nhu cầu ván sàn công nghiệp (engineering floorings) làm bằng gỗ thit kết hợp ván ép tăng mạnh do rẻ và có nhiều màu sắc phong phú. Điều này dẫn đến việc bán ván sàn bằng gỗ thit giảm, đặc biệt đối với Teak

Hàng rào, cổng gỗ: chủ yếu được làm bằng gỗ Bạch đàn, Tràm, Chò xót ... xuất sang thị trường Đức, Hàn Quốc, Mỹ...

Cửa gỗ: chủ yếu làm bằng gỗ Bằng Lăng, Tràm, Keo, kết hợp ván nhân tạo dán veneer ... cho các công trình xây dựng – trang trí nội thất trong nước

Gỗ xẻ, gỗ bào bốn mặt S4S, ván nhân tạo, chi tiết nhỏ...: chủ yếu được làm bằng gỗ Teak, Bạch đàn, Tràm, Keo, Cao su, Còng... bán chủ yếu cho các bạn đồng ngành, các công trình xây dựng – trang trí nội thất trong nước

## 2.2.2 Tỷ lệ sử dụng nguyên liệu chính



Tỷ lệ gỗ Teak giảm do Teak là hàng đắt (mắc tiền nên khi khủng hoảng kinh tế thì dòng hàng giá cao giảm mạnh). Tỷ lệ gỗ Eucalyptus giảm là vì gỗ này phần lớn làm cho hàng ngoài trời, mà trong năm 2009 thì dòng hàng này vẫn còn suy giảm tại Châu Âu. Tỷ lệ hàng Tràm tăng vì Tràm rẻ, phù hợp cho cả hàng trong nhà và ngoài trời. Dòng hàng bằng gỗ khác có tăng, đặc biệt là Cao su vì Công ty bán hàng trong nhà tăng mạnh, chủ yếu cho thị trường Mỹ...

Rừng 6 tháng tuổi của TTF



## 2.2.3 Nguồn nguyên liệu chính

Tất cả các nguyên liệu của Công ty được thu mua theo Chính sách Gỗ của Công ty. Nguồn nguyên liệu luôn đảm bảo có chứng nhận FSC hoặc chứng nhận rừng trồng hoặc chứng nhận khai thác hợp pháp. Đây là chiến lược kinh doanh có trách nhiệm và phát triển bền vững của Công ty. **Điều này giúp cho Công ty có nhiều lợi thế hơn các bạn đồng ngành khác khi Thị trường Mỹ áp dụng Đạo luật Lacey và Cộng đồng chung Châu Âu áp dụng Hiệp định FLEGT về nguồn gốc gỗ sử dụng trong sản phẩm**

Các nguồn nguyên liệu chính hiện tại của Công ty:

+ 50% (năm 2008 thì là 70%) là gỗ được nhập từ nước ngoài như Nam Phi, Brazil, Uruguay, Ghana, Togo, Miền Điện, Mỹ, Canada, Đức...: Teak, Eucalyptus, Oak, Ash, Beech... Đây là các nguồn gỗ từ các đối tác rất lớn, có uy tín trên thương trường quốc tế và có chứng nhận FSC. Đáng chú ý hơn nữa là việc phát triển rừng trồng rất mạnh tại nhiều quốc gia như Thụy Điển, Mỹ, Canada, Brazil, Ấn độ, Trung Quốc, Phần Lan, New Zealand... đảm bảo cho nguồn cung nhập khẩu rất phong phú cho nhu cầu hiện nay và trong tương lai của ngành công nghiệp chế biến gỗ toàn cầu.



Rừng 6 tháng tuổi của TTF

+ 50% (năm 2008 thì là 30%) là gỗ từ nguồn nguyên liệu trong nước: Cao su, Tràm, Keo, Cồng, Xoan đào, Chò chỉ, Dầu... Nguồn cung cấp nguyên liệu trong nước đã dồi dào hơn những năm trước, đặc biệt là gỗ cao su, tràm, keo... nhưng vẫn chưa có nhiều gỗ có chứng nhận FSC cho số lượng lớn. Với các chương trình phát triển trồng rừng của Chính phủ, đặc biệt là nhiều doanh nghiệp tư nhân – trong đó có các công ty liên kết của TTF – đã mua và trồng rừng rất mạnh mẽ sau khi được Chính phủ phê duyệt chủ trương khuyến khích tư nhân hóa trồng rừng tại Việt Nam, thì sau 2 năm nữa Việt Nam sẽ giảm đáng kể sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu.



Các nguồn nguyên liệu chính trong tương lai của Công ty:

+ Giảm dần nhập khẩu từ 50% xuống khoảng 20% trước năm 2015. Chỉ nhập khẩu các loại gỗ ôn đới như Oak, Ash, Beech và những loại gỗ nhiệt đới có chứng nhận FSC mà Việt Nam chưa có được.

+ Tăng dùng nguyên liệu từ dự án trồng rừng 100.000ha của TTF tại Việt Nam từ 50% lên 80% trước năm 2015. Đó là các loại gỗ như Tràm, Keo, Cao su, Bạch đàn, Teak...

### 2.2.4 Thị trường

Công ty xuất khẩu khoảng 70% sản lượng sản phẩm gỗ đến hơn 30 quốc gia trên toàn thế giới, cụ thể là Châu Âu (Anh, Pháp, Ý, Hà Lan, TBN...), Nhật bản, Hoa Kỳ, Úc... Đối với thị trường quốc tế, Công ty cung cấp trực tiếp cho các hệ thống siêu thị hàng đầu trên thế giới cũng như hàng đầu của từng quốc gia, cũng như các chuỗi cửa hàng nhỏ hơn nhưng có thương hiệu mạnh và đòi hỏi sản phẩm chất lượng cao, cụ thể là các khách hàng sau:



Đối với thị trường trong nước, trong năm 2010, Công ty đã duy trì được mạng lưới gồm 4 cửa hàng tự doanh 14 Đại lý cấp 1 và cửa hàng liên kết tại Đà Lạt, Đà Nẵng, TP.HCM, Bến Tre, An Giang, Đồng Tháp, Bình Dương, Buôn Ma Thuột.... Kế hoạch của Công ty là phát triển lên 20 Đại lý cấp 1 trên toàn quốc trong năm 2010, với mục tiêu duy trì doanh số tiêu thụ nội địa chiếm 30% tổng doanh thu sản phẩm của Công ty. Đây cũng là một giải pháp chia sẻ rủi ro của TTF và Công ty cũng bắt đầu phát triển thương hiệu mạnh mẽ hơn tại Việt Nam từ năm 2010.

### 2.2.5 Tình hình hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2009

Theo đúng chiến lược và kế hoạch đã đề ra về việc mở rộng mạng lưới khách hàng ngay trong giai đoạn đáy của khủng hoảng kinh tế, TTF đã có được rất nhiều khách hàng mới trong năm, đạt được doanh số vượt mục tiêu, cụ thể như sau:



**Doanh số hợp nhất mảng chế biến gỗ (TTF và 2 công ty con) đã kiểm toán đạt 1.903.485.815.567VND (tăng 275% so với 2008), với lợi nhuận sau thuế là 24.359.088.319VND (tăng 14% so với 2008)**

Do một số khách hàng của TTF đã mở công ty tại Việt Nam để mua hàng TTF và đứng tên xuất khẩu để nhập chung với hàng gốm sứ, song mây... nên tổng cộng hàng xuất khẩu nếu tính luôn phần gián tiếp thì chiếm gần 1.350 tỷ đồng (khoảng 71% tổng doanh số), tức tăng khoảng 229% so với năm 2008.



**Doanh số nội địa hợp nhất mảng chế biến gỗ (TTF và 2 công ty con) (không tính phần hàng xuất khẩu gián tiếp) đạt được khoảng 551 tỷ đồng, tăng khoảng 5,5 lần so với năm 2008**

### 3. Định hướng phát triển

#### 3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Doanh số: Tăng trên 15%/năm
- Lợi nhuận ròng sau thuế: Tăng trên 20%/năm
- Cổ tức: 20% trở lên
- EPS trung bình cả năm: Trên 3000 đồng
- Kinh doanh có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường
- Trở thành một tập đoàn nằm trong TOP 3 nhà sản xuất, thương mại và xuất khẩu sản phẩm gỗ có doanh số cao nhất Việt Nam từ năm 2010;
- Trở thành một tập đoàn nằm trong TOP 5 nhà sản xuất, thương mại và xuất khẩu sản phẩm gỗ có doanh số cao nhất ASEAN từ năm 2012;
- Trở thành một tập đoàn nằm trong TOP 3 nhà trồng rừng tư nhân có diện tích rừng trồng lớn nhất ASEAN từ năm 2015;

#### 3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- TTF có định hướng chuyển thành 1 Tập đoàn sản xuất – kinh doanh đa ngành, cụ thể bao gồm các ngành sau: chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ, chế biến và kinh doanh ván gỗ nhân tạo, trồng rừng và khai thác gỗ, quản lý và cho thuê mặt bằng cụm công nghiệp, kinh do-

anh bất động sản .... Tuy nhiên, TTF sẽ luôn tập trung trên 70% các nguồn lực cho ngành nghề cốt lõi của Công ty là trồng rừng và chế biến gỗ (kể cả sản xuất nguyên liệu gỗ xẻ và các loại ván nhân tạo để cung cấp cho các bạn đồng ngành), cụ thể như sau:

\* Tiếp tục giữ vững và phát triển vị trí dẫn đầu trong ngành chế biến sản phẩm gỗ xuất khẩu tại Việt Nam với tổng cộng 8 nhà máy chế biến gỗ tại TP.HCM, Bình Dương, Dak Lak và Phú Yên, đạt doanh số trên 1900 tỷ đồng từ năm 2009;

\* Xúc tiến bán hàng mạnh mẽ hơn tại thị trường trong nước với doanh thu trên 30% tổng doanh số, **đặc biệt là nhà cung cấp đáng tin cậy cho các bạn đồng ngành đối với những nguyên vật liệu mà trước đây Việt Nam thường phải nhập khẩu như gỗ, ván lạng, ván ép và ván dăm đạt tiêu chuẩn truy ngược lại nguồn gốc và không có độc tố;**

\* Thực hiện dự án trồng rừng 100.000ha tại Việt Nam. Kế hoạch là không trồng cùng lúc mà trồng liên tục trong nhiều năm. Dự kiến khoảng 4 năm sau khi trồng vạt rừng đầu tiên Tập đoàn đã có thể tận dụng gỗ non và cành nhánh từ công tác tỉa thưa và vệ sinh rừng trồng theo định kỳ cho các nhà máy ván dăm, ván lạng và ván ép của mình. Và sau đó, cho mỗi chu kỳ sinh trưởng, Tập đoàn sẽ tiến hành khai thác chính trong giai đoạn từ năm thứ 8 đến năm thứ 10 tùy nhu cầu ngân lưu của TTF. Vì vậy, từ năm 2015, hằng năm TTF có thể cung cấp từ 200.000 – 1.000.000m<sup>3</sup>. Đó là chưa kể



Ngân hàng dòng của TTF

đến hơn 3700ha rừng từ 3 – 8 tuổi mà các công ty trồng rừng của TTF đã mua lại trong thời gian vừa qua, cho phép khai thác ngay từ năm 2010 mỗi năm khoảng 20.000 - 50.000m<sup>3</sup>, đáp ứng khoảng 15 - 40% nhu cầu nguyên liệu của Tập đoàn Trường Thành. Theo tính toán của TTF, ngoài LỢI NHUẬN từ tỉa thưa các vạt rừng trồng mới và khai thác chính các khu rừng đã trồng sẽ mang đến cho Tập đoàn từ năm 2010 đến 2015 là từ 20 đến 300 tỷ mỗi năm (tăng dần), dự án 100.000ha rừng sẽ mang đến LỢI NHUẬN khoảng 1500 – 5000 tỷ mỗi năm (tăng dần) kể từ 2016. Đây là dự án trồng rừng được thực hiện việc quản lý bền vững theo các tiêu chí FSC và sẽ được chứng nhận FSC (Forestry Stewardship Council).



Dự án khu đô thị sinh thái Nhơn Trạch- Đồng Nai giai đoạn 1 (56ha)

• Riêng lĩnh vực kinh doanh bất động sản, theo dự đoán của Công ty, thị trường sẽ tiếp tục bất lợi và nhiều rủi ro trong năm nay, thậm chí còn kéo dài sang năm 2011. Do đó, việc gia nhập ngành sẽ rất cần trọng, tuy nhiên cũng cần nắm bắt thời cơ khi thị trường gần điểm đáy, nhằm loại bớt rủi ro nhưng cũng tận dụng được cơ hội khi TTF đang

nắm các dự án phát triển khu dân cư, đô thị mới, cụm công nghiệp... Hiện tại dự án của khu dân cư mới tại Nhơn Trạch đang thực hiện quy hoạch 1/500, sẵn sàng cho việc khởi công xây dựng vào cuối năm 2010 để có sản phẩm ra thị trường trong cuối năm 2011. Dự án Trung tâm Thương mại và Chung cư tại Bình Dương có diện tích hơn 10.000m<sup>2</sup> đất tọa lạc cũng được dự định khởi công trong cuối năm nhằm đón đầu cơ hội hồi phục của nền kinh tế;

• Ngoài ra, TTF còn đầu tư vào công ty cổ phần quản lý cụm công nghiệp Trường Thành – Ea H’leo. Hiện nay, công ty này đã được cấp 50 hecta đất tiếp giáp xa lộ Xuyên Á (lộ giới 100m). Dự kiến sẽ được cấp thêm 100 hecta để mở rộng thêm khi cần thiết. Và cụm công nghiệp này cũng sẽ được tài trợ xây dựng cơ sở hạ tầng bởi UBND Tỉnh Dak Lak, công ty chỉ đầu tư trong giai đoạn sau đồng thời với việc cho các nhà đầu tư khác thuê.

• Niềm yết trên thị trường chứng khoán quốc tế, để đảm bảo nguồn huy động vốn lớn, đáp ứng các mục tiêu của Công ty;

• Đưa thương hiệu Trường Thành ra thị trường thế giới thông qua mạng lưới bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng tại các nước như Mỹ, Pháp và Anh quốc;



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## PHẦN 4 BÁO CÁO CỦA HĐQT

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2009



- Doanh số hợp nhất tăng trưởng gần 275% so với năm 2008
- Lợi nhuận hợp nhất sau thuế tăng trưởng gần 14% so với năm 2008,
- Doanh số nội địa, sau khi trừ phần dành cho xuất khẩu gián tiếp, cũng đã tăng gần 5,5 lần so với 2008
- Chi phí tài chính giảm mạnh, từ 131.6 tỷ chỉ còn 87.8 tỷ đồng, tức giảm

khoảng 33%, tuy nhiên, chủ yếu là do giảm đầu tư vào chứng khoán, chứ giảm từ chi phí lãi vay thì chỉ đạt gần 10%.

- Tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu tăng mạnh, từ 74% trong năm 2008 lên gần 88% trong năm 2009.

- Các điểm yếu nổi bật của Công ty trong năm 2009 được nhận diện như sau:

a) Khi tập trung vào việc tránh sa thải CBCNV, duy trì mức sản xuất và tăng trưởng quy mô, Ban Điều hành đã không còn đủ sức chọn lọc khách hàng, mà chấp nhận đối với hầu hết các đơn hàng, ngay cả chỉ mang đến lợi nhuận thấp hoặc huê vốn

b) Công ty đã phải dùng nguyên liệu tồn kho của năm 2008 có giá nhập kho hơi cao cho việc sản xuất hàng thành phẩm cho năm 2009 nên dẫn đến lợi nhuận giảm

c) Nguồn vốn chủ sở hữu đã đầu tư phần lớn vào thời điểm cuối năm 2007. Do vậy, trong 2 năm qua, Công ty vẫn phải dùng nhiều vốn vay. Từ đó, khi chi phí lãi vay tăng cao, dẫn đến lãi gộp thì đáng kể nhưng lãi ròng sau lãi vay thì quá thấp

d) Mặc dù Công ty đã tiêu thụ được một số tồn kho nguyên liệu trong năm 2009, nhưng vẫn phải mua lại loại nguyên liệu mới phục vụ việc sản xuất dòng sản phẩm mới. Do đó, chúng ta không thể giảm được vốn vay và phải chịu trả lãi cao lên đến 83 tỷ đồng

### 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Kết quả thực tế	% so với kế hoạch
Doanh số	905.106.000	1.903.485.815	210%
Lợi nhuận gộp	237.915.000	166.868.478	70%
Lợi nhuận sau thuế	36.558.000	24.359.088	66%
Chi phí hoạt động tài chính	101.560.000	87.756.744	86%
Chi phí bán hàng	27.279.000	21.584.590	79%
Chi phí quản lý	70.018.000	55.353.827	79%
EPS	1,515	1,212	80%

Đơn vị tính: 1000 VND

- Doanh số tăng mạnh so với kế hoạch là do TTF áp dụng chiến lược “**Trong nguy có cơ**” khá thành công. Khi các doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ Việt Nam đến từ Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan...đang gặp khó khăn trong việc duy trì hoạt động của doanh nghiệp, TTF đã tranh thủ thu hút khá nhiều khách hàng với mức giá từ huê vốn đến có lợi nhuận thấp, nhằm tạo ra một mạng lưới khách hàng rộng khắp thế giới, một ngân hàng khách hàng để năm 2010 thực hiện chiến lược “**lựa gạo trên sàng**”, tập trung nâng cao lợi nhuận hơn là tăng doanh số như năm 2009.

- Lợi nhuận gộp và ròng đều giảm mạnh so với kế hoạch vì giá bán chưa tăng được mà một số chi phí lại cao lên theo phần phân tích điểm yếu phía trên.

### 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Với tình hình khủng hoảng kinh tế chưa hồi phục mạnh trong năm 2009, Công ty đã phát triển mạnh hơn đối với dòng hàng giá rẻ và dùng nguyên liệu từ địa phương khá nhiều (lên đến 50%)

- Thị trường Mỹ hồi phục trước Châu Âu nên tỷ trọng bán hàng sang Mỹ đã tăng mạnh từ 8% năm 2008 tăng lên 35% trong năm 2009

- Không giảm được tổng giá trị dự trữ nguyên liệu do phải mua thêm nguyên liệu mới cho dòng sản phẩm mới

- Dòng ngân lưu của Công ty trở nên khá khó khăn khi nhiều khách hàng đã chuyển sang phương thức thanh toán trả chậm

- Đầu tư dài hạn thêm 53 tỷ đồng, chủ yếu là vào các dự án trồng rừng



## 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Trong năm 2009, TTF đã thành công trong việc thực hiện nghị quyết của HĐQT là tập trung vào việc giữ khách hàng và thị trường truyền thống, mở rộng việc tìm kiếm khách hàng mới và thị trường mới, tăng cao doanh số để vừa khẳng định quy mô, khả năng cạnh tranh, giành giật thị phần, hơn nữa là phải giải quyết công ăn việc làm cho 6500 CBCNV, tránh việc sa thải công nhân, tranh thủ cơ hội để tái cơ cấu nguồn nhân lực. Do đó, khi chuyển sang năm 2010, **Công ty sẽ tập trung hơn cho việc nâng cao lợi nhuận ròng và cổ tức cho nhà đầu tư, cụ thể là tăng trưởng lợi nhuận ít nhất gấp 3 lần năm 2009 dựa vào các yếu tố mới như sau:**



TTF đã xuất khẩu với chính thương hiệu của mình

- Khách hàng quốc tế nhập khẩu tìm đến Việt Nam nhiều hơn do các thị trường tiêu thụ bắt đầu hồi phục;
- Các đối thủ cạnh tranh như Trung Quốc, Malaysia... đã giảm đi sức cạnh tranh do giá nhân công tăng cao. Còn Myanmar và Thái Lan thì có tình hình chính trị bất ổn, làm cho các nhà đầu tư và kinh doanh quốc tế thấy nhiều rủi ro. Indonesia thì chỉ mạnh trong dòng hàng ngoại thất và thủ công mỹ nghệ;
- Năng lực sản xuất của Công ty chẳng những không suy yếu như các đối thủ cạnh tranh trong khu vực hoặc các công ty đồng ngành tại Việt Nam mà còn được mở rộng sau 2 năm khủng hoảng kinh tế toàn cầu vì các nhà máy mà TTF đầu tư trong năm 2007 và 2008 hiện đã sản xuất vượt công suất huê vốn;
- Các nguyên liệu dự trữ được mua vào trong năm 2009 đều có giá thấp trong khi xu hướng gỗ nguyên liệu đã có dấu hiệu tăng trở lại;
- Các khoản đầu tư vào trồng rừng có thể thu hồi vốn một phần ngay trong năm 2010 này trên cơ sở các đàm phán liên doanh với các đối tác nước ngoài từ năm 2009 đến nay;
- Cuối năm nay, Công ty cũng sẽ thu hoạch gỗ lần đầu tiên từ chính rừng của chúng ta đã mua lại của công ty Theodore Alexandre từ 3 năm trước. Việc khai thác bắt đầu này sẽ góp vào lợi nhuận của TTF khoảng từ 20-25 tỷ;



Rừng TTF sẽ khai thác cuối năm 2010



nhà máy sản xuất PB của TTF tại Phú Yên

• Khả năng cung cấp cho các bạn đồng ngành những loại gỗ có chứng nhận FSC, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, minh chứng được và truy ngược được nguồn gốc, phù hợp với yêu cầu của Đạo luật Lacey của Mỹ cũng như của Hiệp định FLEGT của cộng đồng chung Châu Âu;

• Khả năng cung cấp ván lạng (veneer) với nhiều loại vân gỗ tự nhiên khác nhau, ván ép (plywood) đạt tiêu chuẩn (kể cả CARB P2) và các loại ván ép đặc dụng để dùng ngoài trời, hoặc làm cốt – pha chất lượng cao, cho các công ty xây dựng, các công ty sản xuất trang trí nội thất trong ngành. Trong nhiều năm qua, các nhà sản xuất hàng mộc tại Việt Nam đã phải nhập khẩu đa phần ván lạng từ Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan, Mỹ... Do đó, việc TTF chúng ta sản xuất các loại sản phẩm này và cung cấp cho các công ty trong ngành sẽ góp phần giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu của các nhà sản xuất và xuất khẩu hàng mộc của Việt Nam;

• Khả năng cung cấp ván dăm (particle board) đạt tiêu chuẩn CARB P2 hoặc E0 (không độc tố) cho các công ty đồng ngành để sản xuất theo các yêu cầu mới khắc khe của thị trường Nhật Bản, Mỹ và Châu Âu về độc tố;

• Những thay đổi về tiêu chuẩn và các yêu cầu khác đối với sản phẩm trang trí nội thất trên thị trường quốc tế như FSC – CoC, Lacey, FLEGT, CARB, E1, E0... đều không làm cho TTF bị động hay khó khăn vì chúng ta đã có những bước chuẩn bị sớm, và còn làm cho chúng ta có thể biến đe dọa thành cơ hội kinh doanh mới. Thật vậy, từ cuối năm 2009 đến nay, chúng ta đã cung cấp cho các công ty bạn đồng ngành nhiều nguyên vật liệu phù hợp với các tiêu chuẩn và quy định trên, góp phần vào việc giải quyết khó khăn trong ngành chế biến gỗ Việt Nam



Chứng nhận CARB P2 cho ván PB của TTF



- Việc mua lại nhà máy tại Nhật Bản di chuyển về Việt Nam sẽ được xây dựng và lắp đặt máy móc xong trong tháng 5 để bắt đầu đưa sản phẩm ra thị trường từ tháng 6 năm nay;
- Các điều tra và nghiên cứu về thị trường nội địa gần đây của chúng ta đã cho thấy sản phẩm mới của chúng ta sẽ có khả năng được thị trường trong nước đón nhận nồng nhiệt, bên cạnh những khách hàng quốc tế đã có

sẵn đơn đặt hàng quanh năm. Sản phẩm mới sẽ được tung ra thị trường từ tháng 6, mang tính đột phá công nghệ, tạo ra một cuộc cách mạng trong sản phẩm xây dựng và trang trí nội thất, đó là Ván sàn Kỹ thuật cao (Engineering Flooring), cụ thể như sau:

\* Ở Việt Nam việc trang trí sàn nhà bằng ván sàn không được phổ biến (theo ước tính chỉ dưới 1% diện tích sàn) vì những hạn chế của ván sàn gỗ như sau:

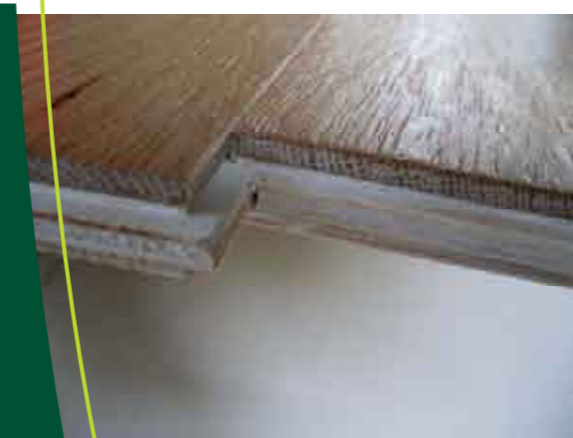
1. Đắt tiền hơn so với các vật liệu thông dụng khác, đặc biệt nếu so với gạch men;
2. Nếu dùng gỗ không tốt hoặc chưa qua quá trình xử lý đúng đắn thì có thể bị mối mọt sau nhiều năm sử dụng;
3. Có thể bị giãn nở làm hư hỏng sàn nhà khi có sự thay đổi của thời tiết;
4. Dễ bị trầy bề mặt sơn PU khi đi giày lên trên, đặc biệt là giày cao gót của phụ nữ;
5. Chi phí cao cho việc lắp đặt và thời gian thi công dài;



Cấu trúc ván sàn công nghiệp Laminate

\* Các nhà sản xuất khác tại Việt Nam và nước ngoài đã đưa ra sản phẩm thay thế ván sàn gỗ thật là ván sàn công nghiệp được làm bằng HDF (bột sợi gỗ), được trang trí bề mặt bằng melamin (nhựa giả vân gỗ):

1. Sản phẩm này có giá thành rẻ, lắp đặt nhanh, với chi phí lắp đặt thấp;
2. Sản phẩm khó trầy vì được phủ PE cứng hơn là sơn PU, nhưng khi trầy thì lộ bột gỗ rất xấu;
3. Các đặc điểm khác thì chưa khắc phục được nhiều



\* Sản phẩm ván sàn kỹ thuật cao của TTF có những tính năng vượt trội sau đây:

1. Tính kháng nước cao hơn gỗ thật: không hư hỏng khi ngâm nước lên đến 1 tuần;
2. Sử dụng sơn UV thân thiện với môi trường và chống trầy ở cấp độ 3H, không trầy kể cả khi dùng bàn chải thép tác động, đương nhiên là giày cao gót không làm hỏng sàn được, thích hợp kể cả làm sàn nhảy hay sân thi đấu thể thao;
3. Chịu nước sôi lên đến 24 giờ và các loại hóa chất như thuốc rửa móng tay, thuốc xịt côn trùng;
4. Không bị mối mọt;
5. Không bị giãn nở, co rút khi thay đổi thời tiết, nhiệt độ hoặc bị đổ nước;
6. Thời gian lắp đặt nhanh và chi phí thấp, từng hộ gia đình có thể mua về nhà tự lắp theo hướng dẫn đính kèm sản phẩm (theo dạng Do It Yourself, hay viết tắt là DIY);



7. Đặc biệt là giá thành sàn gỗ này chỉ tương đương với sàn gạch men trong khi tính thẩm mỹ và tính thiên nhiên vượt trội;

Do đó, HĐQT hoàn toàn tin tưởng rằng các sản phẩm mới này sẽ được đón nhận nồng nhiệt tại thị trường trong nước và quốc tế





# BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

## PHẦN 5 BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

### 1. Báo cáo tình hình tài chính

#### 1.1 Khả năng sinh lời

CHỈ TIÊU	NĂM 2006	NĂM 2007 (hợp nhất)	NĂM 2008 (hợp nhất)	NĂM 2009 (hợp nhất)
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần (%)	4,92	9,29	3,08	1,27
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản chốt ngày 31/12 (%)	4,82	4,08	1,22	1,11
Hệ số lợi nhuận trước thuế trước lãi vay/ tổng tài sản chốt ngày 31/12 (%)	8,29	6,65	6,60	5,15
Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân trong năm (%)	6,54	6,01	1,37	1,23
Hệ số lợi nhuận trước thuế trước lãi vay/ tổng tài sản bình quân trong năm (%)	11,25	9,81	7,39	5,71
Hệ số lợi nhuận sau thuế của cổ đông của TTF/vốn chủ sở hữu bình quân trong năm của TTF (%)	57,76	18,25	3,20	3,61
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần (%)	4,77	9,01	2,91	0,94

Bảng phân tích thêm cho thấy các hệ số lợi nhuận đều giảm mạnh, xuất phát từ những điểm yếu của Công ty trong năm 2009 đối với nguyên liệu tồn kho và chi phí lãi vay cũng như việc rớt trong bối cảnh thị trường toàn cầu giảm sút mức tiêu thụ

## 1.2. Khả năng thanh toán

CHỈ TIÊU	NĂM 2006	NĂM 2007 (hợp nhất)	NĂM 2008 (hợp nhất)	NĂM 2009 (hợp nhất)
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,10	1,51	1,26	1,13
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-Tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,24	0,35	0,44	0,46

Công ty tăng vay ngắn hạn nhưng không phải chỉ để mua nguyên vật liệu dự trữ mà còn cho một số công ty liên kết trồng rừng vay lại. Do đó, khả năng thanh toán ngắn hạn giảm, nhưng khả năng thanh toán nhanh lại tăng.

## 1.3. Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

Hiện nay trên sàn giao dịch chứng khoán tại TP.HCM có 3 doanh nghiệp trong ngành chế biến gỗ với mã giao dịch chứng khoán là GDT, GTA và SAV. Do đó, TTF dùng chỉ số trung bình của 3 doanh nghiệp này để so sánh với chúng ta như sau:

Chỉ tiêu	TTF	Trung bình của 3 doanh nghiệp đã nêu
Doanh thu	1903 tỷ đồng	290 tỷ đồng
Giá vốn hàng bán trên doanh thu	<b>87,00%</b>	<b>81,00%</b>
Chi phí tài chính trên doanh thu	<b>4,61%</b>	<b>1,10%</b>
Chi phí bán hàng trên doanh thu	1,13%	1,99%
Chi phí quản lý trên doanh thu	2,90%	10,00%
Tỷ lệ lợi nhuận ròng trên doanh thu thuần	<b>1,27%</b>	<b>6,00%</b>
Vốn chủ sở hữu	673 tỷ đồng	185 tỷ đồng
Thặng dư vốn cổ phần	430 tỷ đồng	63 tỷ đồng
Tổng tài sản	2176 tỷ đồng	335 tỷ đồng

Ghi chú: Số liệu của 3 doanh nghiệp kia là số liệu chưa được kiểm toán, được lấy từ trang web của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

Theo bảng trên, chúng ta nhận diện được rằng:

- Quy mô của TTF lớn hơn khoảng 6-6.5 lần theo doanh số và tổng tài sản
- Vốn chủ sở hữu TTF lớn hơn khoảng 3.5 – 4 lần

- Giá vốn hàng bán còn cao hơn, xuất phát từ điểm yếu đã nêu ở trên về giá nguyên liệu tồn kho và do nhận nhiều đơn hàng có lợi nhuận thấp.
- **Chi phí tài chính cao hơn bạn đồng ngành khá nhiều, xuất phát từ việc dự trữ nguyên liệu cao, nhằm thực hiện các đơn hàng lớn mà gấp, đồng thời do việc đầu tư tài chính dài hạn nhiều mà chủ yếu là cho trồng rừng chưa mang lại hiệu quả trong ngắn hạn cho doanh nghiệp.**
- Các yếu tố nói trên đã làm giảm tỷ suất lợi nhuận của TTF trên doanh thu, so với các bạn đồng ngành, trong ngắn hạn. Tuy nhiên dự kiến từ 2010, khi mà giá nguyên liệu đang có xu hướng tăng và TTF có kế hoạch khai thác rừng của mình trong năm nay, tỷ suất lợi nhuận dự kiến có thể tăng thành 5%-10%.

## 1.4. Những biến động, những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động

Biến động chủ yếu là việc tăng doanh số khá mạnh so với kế hoạch và mức lợi nhuận ròng sau thuế mặc dù cũng có tăng nhưng vẫn chưa đạt theo kế hoạch. Nguyên nhân chính là do TTF thu hút được nhiều khách hàng, có rất nhiều đơn hàng tranh thủ được khi đối thủ cạnh tranh đến từ nước ngoài đã yếu xuống, nhưng sức mua toàn cầu vẫn chưa tăng đáng kể do phục hồi kinh tế còn chậm hơn dự đoán, vì vậy, giá bán hoàn toàn chưa tăng được, trong khi chi phí nhân công lao động có tăng 5-10%, đặc biệt trong giai đoạn cuối năm, bên cạnh việc dùng nguyên liệu tồn kho có giá cao từ năm 2008.

## 1.5. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009

Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2009: 672.661.348.361 đồng  
Số lượng cổ phần đang lưu hành thời điểm 31/12/2009: 20.500.000 cổ phần  
Vậy, giá trị sổ sách mỗi cổ phần: **32.812 đồng**  
Tuy nhiên, giá đóng cửa ngày 31/12/2009 của cổ phiếu TTF trên sàn HOSE là 27.300 đồng nên hệ số P/B = 0.83.

## 1.6. Những thay đổi về vốn cổ đông

Sau khi chia cổ phiếu thưởng từ thặng dư cho các cổ đông theo tỷ lệ 3:1 thì cổ phần của TTF tăng từ 15.000.000 cp lên thành 20.000.000 cp. Sau đó, TTF phát hành thêm 500.000 cp cho HĐQT và Ban Điều hành theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2009, có thặng dư thêm 3.6 tỷ đồng. Do đó, trong năm đã tăng tổng cộng 5.500.000 cp của TTF.

## 1.7. Tổng số cổ phiếu theo từng loại

Công ty chưa có cổ phiếu ưu đãi.  
Tổng số cổ phần phổ thông/ cổ phần thưởng: 20.500.000 cp  
Tổng số cổ phần phổ thông/ cổ phần thưởng đang lưu hành: 20.499.679 cp



### 1.8. Tổng số trái phiếu theo từng loại

Công ty chưa phát hành trái phiếu

### 1.9. Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại

Tổng số cổ phiếu quỹ: 321 cp

### 1.10. Cổ tức chia cho các cổ đông đối với năm 2009

Công ty chưa tiến hành chi trả cổ tức cho năm 2009. Dự kiến cổ tức ở mức 10%, và mức đề xuất này sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Đại hội Thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2010

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### 2.1. Nhân sự

#### 2.1.1. Thông tin chung

- Tổng nhân sự của Công ty và 2 công ty con (được hợp nhất) trong giai đoạn cuối năm 2009 là khoảng 3400 CBCNV, với hơn 35 CBNV đạt trình độ thạc sỹ và Tiến sỹ
- Thu nhập của nhân sự gián tiếp trung bình khoảng 7.593.000 đồng/tháng (tăng khoảng 17% so với năm 2008)
- Thu nhập của nhân sự trực tiếp trung bình khoảng 2.637.000 đồng/tháng

(tăng khoảng 19% so với năm 2008)



#### 2.1.2. Thuận lợi – Ưu điểm

- Khoảng gần 80% nhân sự của TTF ở lứa tuổi từ 22 đến 35, mặc dù trẻ nhưng rất năng động, nhiệt tình và sáng tạo. Còn lại 20% nhân sự trên 35 tuổi thì phần lớn đều có trên 5 năm kinh nghiệm. Riêng Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám

đốc TTF là người tốt nghiệp MBA tại Mỹ và có trên 26 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ;



- Với uy tín và văn hóa doanh nghiệp của thương hiệu Trường Thành trong việc kinh doanh có trách nhiệm và phát triển bền vững, TTF đã thu hút được nhiều nhân tài từ bên ngoài cũng như “giữ chân” được phần lớn các cán bộ chủ chốt trong Công ty;

- Lực lượng CBCNV có tay nghề và/ hoặc

trình độ chuyên môn tăng khoảng 30% so với năm 2008 thông qua nhiều

chương trình huấn luyện – đào tạo nội bộ (trên 25 ngày/ năm đối với một người), mang đến hiệu suất làm việc cũng tăng lên tương ứng;



- Ban Lãnh đạo/ Ban Điều hành bao gồm những nhân sự có trình độ quản

trị kinh doanh cao (phần lớn tốt nghiệp Thạc sỹ và Tiến Sỹ QTKD) và/ hoặc rất nhiều năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ.



### 2.1.3. Khó khăn – hạn chế:

- Trong năm 2009, tình hình biến động nhân sự của TTF ở mức 18% (giảm khoảng 4% so với 2008), đặc biệt trong giai đoạn 6 tháng cuối năm. Hai nguyên nhân chủ yếu là:



- + Đối với lao động trực tiếp: Bình Dương là tỉnh có nhu cầu rất cao về lực lượng công nhân kỹ thuật, đặc biệt trong ngành chế biến gỗ, nên nhiều công ty đồng ngành khác đã cố tình “săn người” của TTF bằng mọi cách
- + Đối với lao động gián tiếp: TTF có địa điểm làm việc xa thành phố HCM, đặc biệt khi dời văn

phòng làm việc của TTF từ Thuận An – Bình Dương lên Tân Uyên – Bình Dương thì lại xa hơn khoảng 15km

**Tuy nhiên, đây là tỷ lệ biến động ít hơn so với các bạn đồng ngành khác, do Công ty cũng đã kịp thời có các chế độ phúc lợi và chính sách đãi ngộ phù hợp với phần lớn CBCNV, đồng thời cũng đã dời một số phòng ban ít trực tiếp với sản xuất về văn phòng làm việc tại TP.HCM trong năm 2009**

- Công nhân có trình độ tay nghề cao chiếm khoảng 67%. Mặc dù đây là tỷ lệ cao hơn các bạn đồng ngành trong nước nhưng vẫn còn thấp hơn một số nước như Trung Quốc và Malaysia nên hiệu suất trong sản xuất chưa cao bằng những công ty lớn của những nước này
- Trong năm 2009, TTF chỉ thực hiện được khoảng 55% kế hoạch tổ chức vui chơi – giải trí cho CBCNV do giới hạn ngân sách trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế, và bận rộn với quá nhiều đơn hàng đã đạt được.
- Vẫn thiếu ít nhất 2 Phó Tổng Giám đốc để chia sẻ bớt công việc của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc đương nhiệm. TTF vẫn thường xuyên tìm kiếm và tổ chức tuyển dụng cho vị trí này nhưng vẫn chưa tìm đủ nhân sự phù hợp. Do đó, trong năm 2009, Ban Lãnh đạo TTF đã phải làm việc rất nhiều vì vừa điều hành công việc của TTF vừa phải chỉ đạo đến một số công ty con và công ty liên kết.



## 2.2. Về dòng sản phẩm

### 2.2.1. Thông tin chung

Dòng sản phẩm	Kế hoạch (trên sản lượng theo container)	Thực tế (trên sản lượng theo container)
Hàng ngoại thất	Dưới 40%	37%
Hàng nội thất	Trên 50%	51%
Ván sàn, cửa, khác...	Dưới 10%	12%

Trong năm 2009, TTF đã nhận được số đơn hàng khá phù hợp với kế hoạch của Công ty. Chỉ có ván sàn – cửa – sản phẩm khác là có vượt 2% do TTF có nhiều đơn hàng này trong thị trường nội địa





### 2.2.2. Thuận lợi – Ưu điểm:

- Tỷ lệ dòng hàng thực tế khá gần theo kế hoạch đã thiết lập, ngay cả khi toàn bộ doanh số tăng khá mạnh, giúp Công ty đi theo được kế hoạch nâng dần tỷ lệ hàng nội thất lên đến hơn 50% ngay từ năm 2009

### 2.2.3. Hạn chế - Khó khăn:

- Dòng hàng ngoài trời thông thường đòi hỏi vật tư (bù long, ốc vít...) có chất lượng cao cấp do phải tiếp xúc trực tiếp nhiều với thay đổi của thời tiết. Tuy nhiên, các nhà cung cấp vật tư tại Việt Nam chưa đáp ứng được hoàn toàn yêu cầu chất lượng này hoặc thời gian hoàn thành vật tư khá lâu nên làm ảnh hưởng đến chất lượng tổng thể của sản phẩm hoặc làm chậm trễ ngày giao hàng nếu TTF không có các kế hoạch dự bị tốt. Do đó, khi dòng hàng này còn chiếm tỷ lệ cao thì TTF cũng phải chịu áp lực cao hơn khi đặt mua các vật tư này.
- Dòng hàng ngoài trời thường không được sơn phủ kín mít hoặc đậm màu như hàng trong nhà, và không được nối ghép. Vì vậy, tỷ lệ tiêu hao gỗ nhiều hơn do không tận dụng được nhiều gỗ có một số lỗi nhỏ mà thông thường hàng trong nhà chấp nhận dễ dàng và/ hoặc ghép gỗ có quy cách nhỏ.
- Dòng hàng trong nhà, đặc biệt là hàng giả cổ cho thị trường Mỹ, đòi hỏi hoàn thiện đặc biệt, khá công phu. Do đó, TTF không dễ dàng trong việc nâng nhanh tỷ lệ dòng hàng này nếu không có nhiều công nhân hoàn thiện lành nghề và/ hoặc không đào tạo huấn luyện thường xuyên. Tuy vậy, TTF đã khá thành công khi lượng hàng nội thất bán ra đã chiếm hơn 50%.

## 2.3. Về nguyên liệu

### 2.3.1. Thông tin chung:

Nguyên liệu	Kế hoạch	Thực tế	Chênh lệch
Teak	40%	24%	-16%
Eucalyptus	22%	19%	-3%
Acacia và Cao su	25%	38%	+13%
Gỗ khác	13%	19%	+6%

+ Teak và Eucalyptus giảm so với kế hoạch do giá các sản phẩm này kém cạnh tranh hơn so với gỗ Acacia và Cao su, đặc biệt khi khủng hoảng kinh tế vẫn chưa hồi phục hoàn toàn thì nhu cầu mua hàng rẻ vẫn chiếm ưu thế



+ TTF vẫn bán hàng Teak (dòng hàng cao cấp) được nhiều nhất Việt Nam là do:

- a/ Chất lượng sản phẩm của các nhà máy khác ở Việt Nam không đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, mà sản phẩm Teak rất mắc tiền nên đòi hỏi phải có chất lượng rất cao
- b/ Để làm sản phẩm Teak, do giá nguyên liệu cao, nhà sản xuất phải có vốn lưu động lớn. Đây là một trong những hạn chế phổ biến của các doanh nghiệp Việt Nam, làm cho họ không có khả năng đáp ứng đơn hàng hoặc giao hàng trễ hẹn.
- c/ Nguồn gỗ Teak của TTF được đánh giá cao hơn do mua từ các khu rừng có chứng nhận FSC hoặc các chứng nhận tương tự.

### 2.3.2. Thuận lợi – Ưu điểm:

- Sản xuất nhiều hàng Teak là cơ hội làm trình độ tay nghề của công nhân được gia tăng
- Làm dòng hàng Teak thì ít có đối thủ cạnh tranh nên giá bán có lợi nhuận tốt hơn
- Kịp thời chuyển sang sản xuất và cung cấp sản phẩm bằng trà, keo và cao su, đáp ứng được nhu cầu mua hàng rẻ của thị trường
- Luôn có sẵn nguyên liệu dồi dào trong kho, đáp ứng ngay các đơn hàng lớn, giao hàng nhanh, không còn lệ thuộc vào nhà cung cấp



### 2.3.3. Hạn chế - Khó khăn:

- Để sản xuất nhiều đơn hàng Teak thì cần vốn lưu động lớn và sớm. Bên cạnh đó, khi quyết định chuyển sang sản xuất nhiều hơn bằng gỗ trà, keo, cao su và các nguyên liệu khác thì TTF phải vay thêm vốn ngân hàng để mua bổ sung vì trước đó chưa dự trữ nhiều các loại nguyên liệu này.
- Tồn kho nguyên liệu nhiều không vì mục đích dự trữ như các năm trước khi giá nguyên liệu luôn tăng cao hơn lãi suất ngân hàng mà do thị trường chuyển dịch sang nhiều loại nguyên liệu rẻ tiền mà công ty chưa dự trữ trước đó.



## 2.4. Về khách hàng và thị trường xuất khẩu

### 2.4.1. Thông tin chung:

- Doanh số tăng khoảng 229% so với năm 2008
- Tỷ lệ doanh số theo thị trường

Thị trường	Kế hoạch	Thực tế	Chênh lệch
Châu Âu	50%	45%	-10%
Nhật bản	10%	10%	0
Mỹ	30%	35%	+5%
Khác	10%	10%	0

### Nguyên nhân:

- + Thị trường Châu Âu đã hồi phục chậm hơn Mỹ khoảng 6 tháng
- + TTF xúc tiến thành công vào thị trường Mỹ với nhiều khách đặt hàng số lượng lớn và tăng rất nhanh trong vòng 1 năm



### 2.4.2. Thuận lợi – Ưu điểm:

- Trong năm 2009, các khách hàng đã đặt tăng thêm rất nhiều là Ashley, Pier1 Import, IKEA... và một số khách hàng nội thất Mỹ có tiềm năng mua hàng lớn từ 2010 như Walmart, Whalen, Costco và Lowe's. Các khách hàng này góp phần làm tăng mạnh doanh số cho năm 2009, bên cạnh nhiều khách hàng nội địa mà các năm trước TTF chưa

### phát triển mạnh với họ.

- Ít cạnh tranh hơn khi sản xuất dòng hàng ngoài trời cho thị trường Châu Âu, do đối thủ cạnh tranh lớn nhất thế giới hiện nay là Trung Quốc thì lại rất mạnh đối với dòng hàng trong nhà cho thị trường Mỹ



### 2.4.3. Hạn chế - khó khăn:

- Công ty có chủ trương là bán cho 1 quốc gia không quá 40% doanh số, và cho 1 khách hàng không quá 30% doanh số. Tuy nhiên, khách hàng cho thị trường Mỹ tăng nhanh và đặt hàng có trị giá lớn. Trong khi đó, khách hàng thị trường Châu Âu hồi phục còn chậm quá. Do đó, khả năng duy trì chính sách này trong ngắn hạn là khó, vì có khả năng bán sang Mỹ lên đến 45-50%.
- Khách hàng thị trường Mỹ mua khá nhiều dòng hàng giường ngủ. Việc này làm quá tải các công suất sơn hàng kích thước lớn của Công ty, dẫn đến việc phải tiếp tục đầu tư mở rộng dây chuyền sơn pallet.
- Khách hàng thị trường Mỹ đa phần thanh toán trả sau. Việc này làm ngân lưu của công ty khá khó khăn.





## 2.5. Về khách hàng và thị trường nội địa

### 2.5.1. Thông tin chung:

- Doanh số tăng gần 5,5 lần so với năm 2008
- Ngoài 4 cửa hàng tự doanh của Công ty tại Dak Lak, Bình Dương và TP.HCM, TTF còn có mạng lưới gồm các Đại lý cấp 1 và các cửa hàng liên kết như sau:

TT	Tên Đại lý/Cửa hàng	Địa chỉ
1	Thành Thắng	114 Hải Phòng, Tp Đà Nẵng
2	Sao Phương Đông	10 Ngô Quyền, Nha Trang
3	An Khang	26B PD Thiên Vương, Đà Lạt
4	Quốc Hùng	325 Nguyễn Huệ, Bến Tre
5	Lê Sang	104 Lê Lợi, TX Châu Đốc, AG
6	Kiến Á	427 Nguyễn Huệ, K1, P1, TX Sađec, Đồng Tháp
7	Thuận Lợi	17 Trần Hưng Đạo, Long Xuyên
8	Tuấn Hùng	63 Lê Hồng Phong, Vũng Tàu
9	Công Thành	Lê Quý Đôn, Đồng Xoài, Bình Phước
10	Gia Thịnh	141 Ngô Gia Tự, P2, Q10, TPHCM
11	Toàn Phú	367 Ngô Gia Tự, P.3, Q.10, TP.HCM
12	TT TM Điện Máy	229 Ngô Gia Tự, Q.10, Tp.HCM
13	Tuấn Hòa	147 Vườn Lài, Q. Tân Phú, TP.HCM
14	Đồng Tâm	Trung tâm CMC, 79B Lý Thường Kiệt,

- Trong năm 2009, một trong những đối tác liên kết để tiêu thụ sản phẩm của TTF tại Việt Nam có tiềm năng lớn là tập đoàn Gạch Đồng Tâm. Dự kiến sẽ mở rộng liên kết ra nhiều cửa hàng – siêu thị trưng bày của Đồng Tâm, và không dừng lại ở đồ trang trí nội thất, mà kể cả vật liệu trong xây dựng như ván ép, ván sàn và cửa.
- Một đối tác khác đang được xem xét ký kết hợp tác làm đại lý độc quyền tại Hà Nội là Tập đoàn phân phối Mê Linh. Dự kiến hoàn tất ký kết trong tháng 3 và bắt đầu trưng bày sản phẩm từ tháng 4/2010.



### 2.5.2. Thuận lợi – Ưu điểm

- Thương hiệu đã được nhiều người tiêu dùng biết đến hơn, một phần do xuất hiện nhiều hơn kênh phân phối tại nội địa, một phần do sự kiện IPO và niềm yết của Công ty
- Công ty có nhiều mẫu mã được người tiêu dùng trong nước rất ưa chuộng
- Chất lượng hàng TTF tại nội địa được bình chọn là Hàng VN Chất lượng cao nhiều năm liền từ 2006
- Giá bán của TTF rất cạnh tranh theo chiến lược “bán hàng lẻ theo giá sỉ”



Giám đốc Sở Công thương Bình Dương ghé thăm gian hàng của TTF

### 2.5.3. Hạn chế - khó khăn

- Trước đây do TTF thu hút được nhiều đơn hàng xuất khẩu hơn công suất nên để giữ uy tín trên thương trường quốc tế TTF phải tập trung làm đơn hàng xuất khẩu hơn khi công suất còn hạn chế. Sang năm 2009, khi xuất khẩu không tăng trưởng mạnh, và công suất TTF có gia tăng thì thị trường nội địa cũng rơi vào giai đoạn tăng trưởng chậm, nếu không nói là cũng có giảm sút do ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Do đó, để đạt đơn hàng lớn trong năm 2009, TTF đã phải bán hàng tại thị trường nội địa ở mức giá có lợi nhuận rất thấp.
- Sở thích hàng nội thất bằng gỗ giữa các vùng của Việt Nam chưa giống nhau về kiểu dáng và chất liệu. Do đó, nếu sản xuất hàng loạt số lượng nhiều khi đôi khi đáp ứng thị hiếu chỗ này nhưng lại không phù hợp chỗ kia, mà nếu thiết kế riêng cho từng vùng thì sản lượng không quá nhiều để có được giá rất cạnh tranh
- Phần lớn người mua hiện nay quan tâm đến bề ngoài nên đôi khi đưa ra những so sánh giá khắp khênh và điều này làm cho chúng ta thấy rõ cần phải có những thông tin và phân tích sản phẩm kỹ lưỡng hơn, cũng như phải sử dụng các kênh truyền thông nhiều hơn kể từ tháng 6 năm 2010 nhằm giúp người tiêu dùng có thể đưa quyết định đúng đắn. Nếu TTF chạy theo chất liệu rẻ nhưng kém chất lượng thì không phù hợp với chính sách chất lượng của Công ty.



## 2.6. Về sản xuất

### 2.6.1. Thông tin chung:

• Công suất năm 2009 của TTF và 2 công ty con tăng khoảng 30% so với năm 2008 vì cả 3 công ty này đều đã đi vào sự ổn định trong sản xuất sau nhiều năm hoạt động, đặc biệt là TTDL1 và TTBD1. Đối với các đơn hàng còn lại thì TTF mua lại từ các công ty liên kết như TTBD2, TTI...



Máy CNC Master 5 chiều nhập khẩu từ Ý

### 2.6.2. Thuận lợi – Ưu điểm:

• Công nhân làm quen dòng sản phẩm được đặt lặp lại và được huấn luyện tay nghề thường xuyên nên có hiệu suất lao động cao hơn  
• Công nhân được huấn luyện khá đầy đủ về an toàn lao động nên không có trường hợp tai nạn lao động nghiêm trọng nào xảy ra, góp phần không làm đình trệ công việc sản xuất và ổn định tâm lý cho người lao động

• Công ty phân bổ thời gian làm việc cho công nhân hợp lý, không tăng ca nhiều nên công nhân có sức khỏe làm việc đạt năng suất cao hơn

### 2.6.3. Hạn chế - khó khăn:

• Khi đơn hàng tăng cao, công nhân không đủ nếu TTF không thu hút thêm bằng cách nâng lương và thưởng. Điều này làm giảm lợi nhuận của TTF vì giá bán của TTF chưa tăng được trong năm 2009. Điều này sẽ ít xảy ra hơn trong năm 2010 vì TTF sẽ không tiếp tục tăng mạnh về doanh số mà là lợi nhuận.



Hệ thống sơn UV của Cefla (Ý)



## 3. Những tiến bộ công ty đã đạt được về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### 3.1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

#### 3.1.1. Chính sách tuyển dụng

• Chọn thời gian ngoài giờ hành chính để tổ chức phỏng vấn tuyển dụng, giúp ứng viên có thể tiếp cận Công ty mà không ảnh hưởng đến công việc hiện tại



• Đối với công nhân, ưu tiên tuyển dụng những người đến từ địa phương có nền công nghiệp ít phát triển để đào tạo thành công nhân kỹ thuật lành nghề. Điều này cũng làm giảm bớt tình trạng công nhân quay về địa phương khi đã đào tạo lành nghề.

• Đảm bảo chính sách tuyển dụng của Công ty không những phù hợp với các quy định của Nhà nước, mà còn đi theo các tiêu chuẩn của SA 8000 (Social Accountability – Trách nhiệm Xã hội), ILO ( International Labor Organization – Tổ chức Lao động Quốc tế) và tiêu chuẩn BSCI của Châu Âu

• Thu hút sinh viên năm cuối đến thực tập tại Công ty, nhằm tìm hiểu sớm các tài năng tiềm ẩn, giúp các em có thể làm việc tốt ngay sau khi chính thức tốt nghiệp



Sinh viên Kinh tế đến thực tập tại TTF



### 3.1.2. Cơ cấu tổ chức

- Duy trì Ban Quan hệ Nhà đầu tư (IR) để phụ trách tất cả các công tác cổ phần, cổ phiếu, sổ cổ đông, tổ chức đại hội cổ đông, giải thích và cung cấp thông tin cho cổ đông...
- Duy trì và phát huy Khối Kiểm soát tuân thủ mạnh mẽ hơn để đảm bảo tất cả hệ thống quản trị và hệ thống QLCL trong Công ty đều đi đúng theo các quy định của Pháp Luật, của Công ty, kịp thời báo cáo cho Ban Lãnh đạo các hành vi vi phạm, có tiềm năng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Duy trì và phát huy Ban Kiểm toán Nội bộ mạnh mẽ hơn để đảm bảo tất cả hệ thống tài chính – kế toán trong Công ty và các công ty con đều đi đúng theo các quy định của Pháp Luật, của Công ty, kịp thời báo cáo cho Ban Lãnh đạo các hành vi vi phạm, có tiềm năng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Duy trì và phát huy Ban Quản lý Nguyên liệu thô mạnh mẽ hơn để đảm bảo tất cả nguyên liệu được cấp đúng, sử dụng có hiệu suất cao, góp phần làm giảm giá vốn hàng bán, tăng lợi nhuận cho Công ty

### 3.1.3. Quản lý

- Trong năm 2008 đã thiết lập hệ thống họp từ xa qua E-Conference, giúp cho lãnh đạo của các công ty trong toàn Tập đoàn tiết kiệm được thời gian và chi phí cho các cuộc họp giao ban giữa các công ty. Ngoài ra, hệ thống này còn giúp cho khách hàng của TTF có điều kiện bàn luận trực tiếp với Công ty nhiều điều thay vì phải đi rất xa đến Việt Nam. Đó là cũng là một trong những lý do tại sao TTF có thể thu hút thêm được khá nhiều khách hàng trong một thời gian ngắn, đặc biệt là năm 2009, một năm còn nặng nề với khủng hoảng kinh tế toàn cầu.



Phòng họp E.Conference của TTF



- Phát huy tốt hệ thống mạng trong Công ty và toàn Tập đoàn, giúp cho việc giao dịch quốc tế và truy cập thông tin nội bộ thuận lợi và nhanh nhất mà vẫn đảm bảo tính bảo mật khi cần thiết
- Vận hành tốt hệ thống camera – loa – máy tính tại các khu vực làm việc và sản xuất, giúp cho Ban Lãnh đạo có thể điều hành Công ty và các công ty con thuận tiện dù đang đi công tác ở nước ngoài
- Liên tục phát huy mạnh mẽ chính sách Open Door trong quản lý, văn hóa phản biện trong các cuộc họp, cũng như thiết lập Quy chế Khen thưởng Sáng kiến, đảm bảo tất cả CBCNV đều có cơ hội thể hiện và phát huy năng lực thực sự của mình

### 3.2. Các biện pháp kiểm soát

- Gây ý thức cho toàn CBCNV rằng “Mỗi công nhân là một KCS” và phổ biến chương trình khâu sau kiểm tra khâu trước với các chính sách thưởng phạt rõ ràng
- Đội ngũ KCS làm việc tại tất cả các khâu trong quy trình chế biến
- Kiểm tra online thông qua hệ thống Camera, mạng LAN và WAN
- Chế độ báo cáo định kỳ ngày, tuần, tháng, quý và năm
- Các điểm đến hạn trong quy trình sản xuất – kinh doanh chính của Công ty đều được kiểm soát chéo giữa các bộ phận, đánh giá nội bộ hằng tháng bởi Ban ISO và đánh giá định kỳ hằng năm bởi tổ chức độc lập bên ngoài như SGS, STR...
- Tất cả các quy trình đều quy định rõ trách nhiệm thực hiện và trách nhiệm kiểm soát
- Khối Kiểm soát Tuân thủ và Ban Kiểm toán nội bộ hằng ngày đều có nhiều hoạt động kiểm tra đối với toàn hệ thống nhằm phát hiện sớm nhất sự không phù hợp, để từ đó có các hoạt động sửa chữa, khắc phục, phòng ngừa triệt để nhất



### 3.3. Các giải thưởng đạt được trong năm 2009

Bên cạnh các giải thưởng cao quý trong và ngoài nước mà TTF đã được trao tặng từ năm 2000 đến 2008, TTF lại tiếp tục giữ vững đẳng cấp chất lượng và uy tín kinh doanh của mình với nhiều giải thưởng trong năm 2009 như sau:



CUP  
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

- Là một trong 30 doanh nghiệp đầu tiên có thương hiệu được Chính phủ chọn vào Chương trình Thương hiệu Quốc gia – Vietnam Value (do Chính phủ trực tiếp chủ trì);
- Cúp và danh hiệu “Sao vàng Đất Việt” do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam trao tặng;
- Cúp và danh hiệu “Doanh nhân Sài Gòn tiêu biểu” cho Chủ tịch TTF do Hiệp hội doanh nghiệp và Báo DNSG trao tặng;



CUP DOANH NHÂN SÀI GÒN  
TIÊU BIỂU

- Cúp và danh hiệu “Nhà hoạt động Kinh tế Đối ngoại Tiêu biểu” cho Chủ tịch TTF do Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế trao tặng;
- Cúp vàng “Thương hiệu kinh tế đối ngoại uy tín” do Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế trao tặng;
- Danh hiệu “Doanh nghiệp Xuất khẩu Uy tín” do Bộ Công thương trao tặng;



- Danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” do Báo Tiếp thị Sài Gòn tổ chức cho người tiêu dùng bình chọn;
- Và nhiều bằng khen khác về hoạt động kinh tế - xã hội tại Việt Nam do các Bộ, ban ngành liên quan trao tặng



CUP  
SAO VÀNG ĐẤT VIỆT



## PHẦN 6

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đã kiểm toán)

### 1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 31/12/2009

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,661,290,278,490</b>	<b>1,301,227,341,725</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6,930,111,951</b>	<b>38,909,504,022</b>
1. Tiền	111	(9.1)	6,930,111,951	38,909,504,022
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>(9.2)</b>	<b>11,688,443,950</b>	<b>151,231,926,330</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11,688,443,950	168,937,011,746
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>(9.3)</b>	<b>600,496,805,404</b>	<b>195,825,857,900</b>
1. Phải thu khách hàng	131		499,581,225,109	77,459,015,676
2. Trả trước cho người bán	132		17,862,679,975	4,620,967,642
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		83,402,301,744	113,745,874,582
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(349,401,424)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>(9.4)</b>	<b>984,136,017,702</b>	<b>841,549,753,349</b>
1. Hàng tồn kho	141		988,397,975,798	843,797,576,475
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4,261,958,096)	(2,247,823,126)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>58,038,899,483</b>	<b>73,710,300,124</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		602,758,707	255,270,517
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,074,724,280	1,983,462,420
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		455,022,180	780,516,196
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(9.5)	54,906,394,315	70,691,050,991

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>515,012,949,181</b>	<b>446,224,790,661</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>151,486,896,004</b>	<b>149,367,176,582</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(9.6)	106,201,076,891	92,392,625,813
+ Nguyên giá	222		140,010,599,998	121,125,210,692
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33,809,523,107)	(28,732,584,879)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(9.7)	11,089,891,840	6,371,974,122
+ Nguyên giá	228		12,741,797,889	7,457,094,913
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,651,906,049)	(1,085,120,791)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(9.8)	34,195,927,273	50,602,576,647
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>(9.9)</b>	<b>360,057,214,095</b>	<b>291,116,796,806</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		29,000,000,000	27,777,515,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		331,057,214,095	263,339,281,806
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3,468,839,082</b>	<b>5,740,817,273</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,851,839,082	4,458,817,273
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		617,000,000	1,282,000,000
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,176,303,227,671</b>	<b>1,747,452,132,386</b>

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,482,091,826,216</b>	<b>1,057,722,064,021</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,470,710,739,444</b>	<b>1,034,303,334,320</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(9.10)	1,024,757,802,056	930,060,355,722
2. Phải trả người bán	312	(9.11)	402,605,494,357	48,890,613,342
3. Người mua trả tiền trước	313	(9.11)	13,865,914,440	17,191,280,036
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	314	(9.12)	7,392,205,790	4,017,182,942
5. Phải trả người lao động	315		14,719,981,647	9,549,896,993
6. Chi phí phải trả	316		2,648,877,041	6,462,296,734
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(9.13)	4,720,464,112	18,131,708,551
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11,381,086,772</b>	<b>23,418,729,701</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	(9.14)	11,027,238,172	23,307,238,172
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		353,848,600	111,491,529
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>672,816,166,622</b>	<b>668,679,952,586</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>(9.15)</b>	<b>672,601,946,940</b>	<b>664,457,443,196</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		205,000,000,000	150,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		430,330,634,235	476,730,634,235
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3,212,548,834	
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3,210,000)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1,151,589,777)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6,152,120,739	5,480,161,968
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,767,885,039	2,740,080,984
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8,963,110	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25,284,594,760	29,506,566,009
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>214,219,682</b>	<b>4,222,509,390</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		214,219,682	4,222,509,390
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	<b>(9.18)</b>	<b>21,395,234,833</b>	<b>21,050,115,779</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>600</b>		<b>2,176,303,227,671</b>	<b>1,747,452,132,386</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	15,660,689,459	14,044,480,085
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	2,619,584,016	2,619,584,016
5. Ngoại tệ		
+ USD	269,170.20	312,273.31
+ EUR	6,195.04	304.17
+ JPY	210,000.00	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN HẬU

Ngày 29 tháng 3 năm 2010  
TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG THÀNH

## 2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2009

CHI TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		<b>1,903,485,815,567</b>	<b>693,199,602,909</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,832,960,407	2,853,607,482
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(10.1)	1,901,652,855,160	690,345,995,427
4. Giá vốn hàng bán	11	(10.2)	1,734,784,376,516	511,487,129,276
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		166,868,478,643	178,858,866,151
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(10.3)	15,742,749,855	53,769,710,275
7. Chi phí tài chính	22	(10.4)	87,756,744,963	131,583,143,000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		83,028,630,953	91,974,469,382
8. Chi phí bán hàng	24	(10.5)	21,584,590,899	23,097,173,975
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(10.6)	55,353,827,516	57,852,578,471
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17,916,065,121	20,095,680,980
11. Thu nhập khác	31	(10.7)	12,644,704,449	5,041,902,221
12. Chi phí khác	32	(10.8)	1,622,043,858	1,731,085,064
13. Lợi nhuận khác	40		11,022,660,591	3,310,817,157
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>28,938,725,712</b>	<b>23,406,498,136</b>
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4,579,637,393	2,111,972,808
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<b>24,359,088,319</b>	<b>21,294,525,328</b>
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		1,219,477,440	1,276,230,833
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		23,139,610,879	20,018,294,495
18. Lãi cơ bản trên cổ phần của Công ty mẹ	70	(9.17)	<b>1,220</b>	1,335

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN VĂN HẬU

Ngày 29 tháng 3 năm 2010  
TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ TRƯỜNG THÀNH

## 3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2009

CHI TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.938.725.712	23.406.498.136
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
<b>Khấu hao tài sản cố định</b>	02	12.497.758.529	11.199.525.400
Các khoản dự phòng	03	2.363.536.394	19.952.908.542
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.829.741.417	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.851.104.253)	4.292.450.467
Chi phí lãi vay	06	83.028.630.953	91.974.469.382
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>			
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(436.404.230.593)	(492.248.099.505)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(147.673.845.157)	(76.020.898.013)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	59.101.241.283	405.222.820.150
Tăng giảm chi phí trả trước	12	1.259.490.002	(468.899.403)
Tiền lãi vay đã trả	13	(86.325.097.989)	(89.323.657.454)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.292.664.166)	(3.040.960.065)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	15.883.600.000	1.823.670.281
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(7.202.807.920)	(46.648.630.434)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(489.676.767.206)</b>	<b>(147.049.061.099)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.437.689.288)	(75.698.321.980)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.862.006.733	493.629.204
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(25.689.078.500)	(98.500.274.566)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	43.718.919.255	80.185.651.835
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(48.215.513.228)	(89.116.684.825)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	8.000.000.000	1.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.754.289.903	4.616.487.381
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10.007.065.125)</b>	<b>(177.019.512.951)</b>



CHI TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
----------	-------	---------	-----------

**III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	8.600.000.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(3.210.000)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.696.226.947.505	1.892.334.906.887
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.215.411.533.893)	(1.527.150.053.233)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.548.735.000)	(15.791.870.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>467.863.468.612</b>	<b>349.392.983.654</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(31.820.363.719)</b>	<b>25.324.409.604</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>38.909.504.022</b>	<b>13.662.990.021</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(159.028.352)	(77.895.603)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>6.930.111.951</b>	<b>38.909.504.022</b>

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**NGUYỄN VĂN HẬU**

Ngày 29 tháng 3 năm 2010  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**VÕ TRƯỜNG THÀNH**



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **2009**



## 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4603000078, ngày 18 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 12 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 205.000.000.000 đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có đầu tư vào 9 công ty con (cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn).

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành được gọi là Công ty mẹ, trực tiếp thực hiện các hoạt động kinh doanh và đầu tư vốn theo hình thức sở hữu trong vốn điều lệ của các doanh nghiệp khác, gồm có:

Công ty con là các công ty do Công ty mẹ giữ cổ phần chi phối trên 50%, bao gồm 9 công ty sau:

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH (Daklak 1)**

Địa chỉ: Km 86 - Quốc lộ 14, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 70,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 70,00%

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH (Daklak 2)**

Địa chỉ: Thôn 5, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 70,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 70,00%

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH (Bình Dương 2)**

Địa chỉ: Khu phố 4, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 60,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 60,00%

#### **CÔNG TY TNHH KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH (Thủ Đức)**

Địa chỉ: Đào Trinh Nhất, Khu phố 1, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 45,60%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 74,40%

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH (Daklak)**

Địa chỉ: 35 Đường Quang Trung, P. Thống Nhất, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Daklak.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 51,00%

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH XANH (Phú Yên)**

Địa chỉ: 81 Nguyễn Tất Thành, Phường 2, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 85,72%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 85,72%

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH (Daklak)**

Địa chỉ: 35 Đường Quang Trung, P. Thống Nhất, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Daklak.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 99,34%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 99,34%

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN VÁN CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH (Bình Dương 3)**

Địa chỉ: Khu phố 4, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 51,00%

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH – EA H'LEO**

Địa chỉ: Thôn 5, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 40,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 52,00%

Công ty liên kết là các công ty do Công ty sở hữu một phần vốn điều lệ và không giữ cổ phần chi phối, bao gồm 1 công ty như sau:

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỖ TRƯỜNG THÀNH (Phú Yên)**

Địa chỉ: C8 Khu Công Nghiệp Hòa Hiệp, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 24,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 24,00%

### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, ván mỏng, lạng, ván ép, ván sàn nội thất;
- Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán sản phẩm nông lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán phân bón;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng.

## 2. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp:

### **CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH (Daklak 1)**

Địa chỉ: Km 86 - Quốc lộ 14, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 70,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 70,00%

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH (Daklak 2)**

Địa chỉ: Thôn 5, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 70,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 70,00%

Báo cáo tài chính của các Công ty con và quyền lợi trong công ty liên doanh, liên kết còn lại chưa được hợp nhất trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

## 3. Danh sách các công ty con bị loại bỏ khỏi quá trình hợp nhất

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH (Bình Dương 2)**

Địa chỉ: Khu phố 4, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 60,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết Công ty: 60,00%

### **CÔNG TY TNHH KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH (Thủ Đức)**

Địa chỉ: Đào Trinh Nhất, Khu phố 1, P. Linh Tây, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 45,60%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 74,40%

### **CÔNG TY CỔ PHẦN TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH (Daklak)**

Địa chỉ: 35 Đường Quang Trung, P. Thống Nhất, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Daklak.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 51,00%

### **CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH XANH (Phú Yên)**

Địa chỉ: 81 Nguyễn Tất Thành, Phường 2, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 85,72%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 85,72%

### **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH (Daklak)**

Địa chỉ: 35 Đường Quang Trung, P. Thống Nhất, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Daklak.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 99,34%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 99,34%

### **CÔNG TY CỔ PHẦN VÁN CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH (Bình Dương 3)**

Địa chỉ: Khu phố 4, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 51,00%

### **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH – EA H'LEO**

Địa chỉ: Thôn 5, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 40,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 52,00%

## 4. Công ty liên doanh, liên kết không được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

### **Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên)**

Địa chỉ: C8 Khu Công Nghiệp Hòa Hiệp, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 24,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 24,00%

## 5. Danh sách các đơn vị được tổng hợp trong báo cáo tài chính hợp nhất có báo cáo tài chính riêng được kiểm toán

Công ty mẹ:

### **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

Địa chỉ: Khu phố 4, Thị trấn Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Công ty con:

### **CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH (Daklak 1)**

Địa chỉ: Km 86 - Quốc lộ 14, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 70,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 70,00%

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH (Daklak 2)**

Địa chỉ: Thôn 5, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 70,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 70,00%

## 6. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 6.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 6.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## 7. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### 7.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 7.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

### 7.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

## 8. Các chính sách kế toán áp dụng

### 8.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành và báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất tối đa không quá 10 năm.

### 8.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

*Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền*

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

*Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo quy định của Thông tư số 201/2009/TT – BTC, ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

### 8.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

*Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

*Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi*

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Đối với khoản công nợ có tuổi nợ trên một năm của Công ty Cổ Phần Quản Lý Cụm Công Nghiệp Trường Thành với số tiền là 51 tỷ đồng: Đây là công ty được Tập đoàn đầu tư và vẫn đảm bảo khả năng thu hồi nên Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

### 8.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

*Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

*Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính*

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Giá thành được quyết toán theo từng đơn hàng. Đối với những đơn hàng còn dở dang, giá vốn được ước tính theo giá thành kế hoạch.

*Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

### 8.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

#### *Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

#### *Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### *Phương pháp khấu hao*

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Riêng đối với một số máy móc sản xuất sản phẩm mộc như máy cưa, máy phay, máy bào ... và lò sấy tại Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

#### **Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:**

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
+ Thiết bị truyền dẫn	12 năm
+ Dụng cụ quản lý	05 năm
+ Phần mềm tin học	05 năm

#### **Quyền sử dụng đất**

Đối với Quyền sử dụng đất tại Bình Dương của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (Bình Dương 1): căn cứ theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác nhau và thời hạn khoảng thời gian từ 20 năm đến 49 năm, Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với Quyền sử dụng đất tại Tỉnh Daklak của Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1): căn cứ theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không thời hạn, Công ty không tính khấu hao.

Đối với Quyền sử dụng đất tại Tỉnh Daklak của Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2): căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời gian 50 năm, Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

### 8.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

\* Các khoản đầu tư vào công ty con được hợp nhất được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

\* Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết chưa được hợp nhất được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản đầu tư vào công ty con chưa được hợp nhất được trình bày vào khoản mục đầu tư dài hạn khác.

\* Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

\* Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

\* Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

\* Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Các khoản tổn thất đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là những khoản tổn thất theo kế hoạch đã được Công ty xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư này.

### 8.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

\* Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

\* Trong năm 2009, Công ty thực hiện việc trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 2% trên lương cơ bản.

### 8.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

\* Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

\* Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

\* Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

\* Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

### 8.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

\* Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

\* Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### 8.10. Thuế

\* Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

\* Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận chịu thuế trong 50 năm (từ năm 2000), Công ty được giảm 50% thuế TNDN từ năm 2007 đến năm 2010. Ngoài ra, Công ty còn được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu khi có doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước và được giảm 20% thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập có được do doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% trên tổng doanh thu. Việc ưu đãi này sẽ được áp dụng đến hết năm 2011 theo quy định tại Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN.

Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1) được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

\* Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 8.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

#### 8.12. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính này.

### 9. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	504.951.989	508.279.717
Tiền gửi ngân hàng - VND	1.476.103.217	32.113.918.176
Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ	4.858.449.983	5.228.357.591
Tiền đang chuyển		860.000.000
Tiền gửi tại Công ty chứng khoán -VND	90.606.762	198.948.538
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.930.111.951</b>	<b>38.909.504.022</b>

### 9.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		26.345.538.416
Tiền gửi có kỳ hạn	8.316.345.000	15.000.000.000
Cho vay ngắn hạn	3.372.098.950	127.591.473.330
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(17.705.085.416)
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.688.443.950</b>	<b>151.231.926.330</b>

Các khoản cho vay ngắn hạn có chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan		123.791.842.380
Khác	3.372.098.950	3.799.630.950
<b>Cộng</b>	<b>3.372.098.950</b>	<b>127.591.473.330</b>

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, giá trị khoản tiền gửi có kỳ hạn hiện đang cầm cố, thế chấp tại ngân hàng là 2.000.000.000 đồng.

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	499.581.225.109	77.459.015.676
Trả trước cho người bán	17.862.679.975	4.620.967.642
Các khoản phải thu khác	83.402.301.744	13.745.874.582
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>600.846.206.828</b>	<b>195.825.857.900</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(349.401.424)	
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>600.496.805.404</b>	<b>195.825.857.900</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, trong đó chủ yếu là khoản phải thu các bên liên quan, chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan	445.177.936.086	
Khác	54.403.289.023	77.459.015.676
<b>Cộng</b>	<b>499.581.225.109</b>	<b>77.459.015.676</b>

Khoản trả trước cho người bán bao gồm trả trước cho các bên liên quan là 2.603.285.776 đồng.

Các khoản phải thu khác chủ yếu là khoản phải thu các bên liên quan, chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan	68.466.810.380	70.380.246.838
Khác	14.935.491.364	43.365.627.744
Công ty TNHH InnovGreen	11.447.254.425	21.116.600.000
Phải thu khác	3.488.236.939	22.249.027.744
<b>Cộng</b>	<b>83.402.301.744</b>	<b>13.745.874.582</b>

#### 9.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đi đường	1.559.697.075	9.496.221.659
Nguyên liệu gỗ các loại	756.154.652.115	584.263.563.487
Vật liệu phụ	16.088.097.374	11.351.117.095
Công cụ dụng cụ	1.695.216.584	2.151.486.217
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	126.946.644.964	157.106.276.103
Thành phẩm	55.202.383.130	49.241.868.193
Hàng hóa	17.326.539.727	19.952.589.639
Hàng gửi đi bán	13.424.744.830	10.234.454.082
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>988.397.975.799</b>	<b>843.797.576.475</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.261.958.096)	(2.247.823.126)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>984.136.017.703</b>	<b>841.549.753.349</b>

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, toàn bộ giá trị hàng tồn kho hiện đang cầm cố thế chấp tại các ngân hàng.

#### 9.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	131.920.966	1.675.536.844
Tạm ứng cho nhân viên	17.336.846.986	11.386.471.709
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	37.437.626.363	57.629.042.438
<b>Tổng cộng</b>	<b>54.906.394.315</b>	<b>70.691.050.991</b>

Khoản tạm ứng bao gồm khoản tiền ứng trước về việc thưởng cổ phiếu cho người lao động với số tiền là 9.009.605.522 đồng. Khoản tạm ứng này sẽ được thu hồi khi Công ty phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động trong tương lai. Ngoài ra, trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì không thể thu hồi được các khoản tạm ứng này thì Hội đồng quản trị sẽ trực tiếp chịu trách nhiệm bồi thường các khoản tổn thất này theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 29 tháng 04 năm 2008.

#### 9.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình (xem bảng trang 74)

#### 9.7. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6.870.999.909	586.095.004	7.457.094.913
Mua trong năm		28.702.976	28.702.976
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.256.000.000		5.256.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12.126.999.909</b>	<b>614.797.980</b>	<b>12.741.797.889</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	913.847.287	171.273.504	1.085.120.791
Khấu hao trong năm	465.027.440	102.757.787	567.785.227
Giảm khác		(999.969)	(999.969)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.378.874.727</b>	<b>273.031.322</b>	<b>1.651.906.049</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	5.957.152.622	414.821.500	6.371.974.122
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>10.748.125.182</b>	<b>341.766.658</b>	<b>11.089.891.840</b>

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 118.692.498 đồng.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hiện đang cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là 4.214.574.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 115TT06, ngày 18 tháng 08 năm 2006.

(9.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình)

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	60.980.759.566	52.077.424.277	6.414.731.518	1.652.295.331	21.125.210.692
Mua trong năm	5.881.566.697	7.699.494.228	1.561.671.478	383.294.070	15.526.026.473
Đầu tư XDCB hoàn thành	8.553.047.274	3.643.211.276	(469.831.653)	80.524.136	12.276.782.686
Thanh lý trong năm	(620.797.510)	(7.013.844.738)	(169.638.095)	(124.110.000)	(8.228.583.901)
Giảm khác (góp vốn)		(457.142.857)	7.336.933.248	(62.055.000)	(688.835.952)
Số dư cuối năm	74.794.576.027	55.949.142.186	2.363.755.949	1.929.948.537	140.010.599.998
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	11.796.752.144	13.625.210.334	2.363.755.949	946.866.452	28.732.584.879
Khấu hao trong năm	6.444.014.423	4.494.401.666	688.356.164	303.201.049	11.929.973.302
Tăng khác	1.269.498	21.456.112	(159.227.900)	12.270.000	34.995.610
Thanh lý, nhượng bán	(620.797.510)	(6.069.869.442)	(999.984)	(4.831.130)	(6.854.725.982)
Giảm khác	(270.000)	(18.349.206)		(13.685.512)	(33.304.702)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.620.968.555</b>	<b>12.052.849.464</b>	<b>2.891.884.229</b>	<b>1.243.820.859</b>	<b>33.809.523.107</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	49.184.007.422	38.452.213.943	4.050.975.569	705.428.879	92.392.625.813
Tại ngày cuối năm	<b>57.173.607.472</b>	<b>43.896.292.722</b>	<b>4.445.049.019</b>	<b>686.127.678</b>	<b>106.201.076.891</b>

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.895.779.563 đồng.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng là 14.573.865.567 đồng.

#### 9.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 10.320 m2 đất tại Dĩ An, Bình Dương	31.500.000.000	31.500.000.000
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 4.417 m2 đất tại Thuận An, Bình Dương	2.650.200.000	2.650.200.000
Mua nhà làm văn phòng cho Công ty Trồng Rừng tại Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk		5.500.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang khác	45.727.273	10.952.376.647
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.195.927.273</b>	<b>50.602.576.647</b>

#### 9.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	29.000.000.000	27.777.515.000
Đầu tư dài hạn khác	331.057.214.095	263.339.281.806
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>360.057.214.095</b>	<b>291.116.796.806</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>360.057.214.095</b>	<b>291.116.796.806</b>

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết có chi tiết như sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị vốn góp
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên)	24%	24.000.000.000
Công ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng Trường Thành - Phước An	50%	5.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>29.000.000.000</b>

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác có chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	63.800.000.000	63.000.000.000
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (Thủ Đức)	9.900.000.000	8.600.000.000
Công ty Cổ Phần Trồng Rừng Trường Thành (Daklak)	26.809.360.000	21.809.360.000
Công ty Cổ Phần Trường Thành Xanh (Phú Yên)	35.493.495.066	25.036.391.700
Công ty Cổ Phần Lâm Nghiệp Trường Thành (Daklak)	23.261.278.917	4.013.813.853
Công ty Cổ Phần Ván Công Nghiệp Trường Thành	5.600.000.000	-
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp và Thương Mại Lidovit (sở hữu 216.000 cổ phần)	2.212.000.000	1.348.000.000
Công ty Cổ Phần Phú Hữu Gia (sở hữu 5.158.000 cổ phần)	51.580.000.000	58.280.000.000
Công ty Cổ Phần Chế Biến Thực Phẩm Sông Hậu (sở hữu 444.608 cổ phần)	12.226.720.000	12.226.720.000
Quý đầu tư chứng khoán y tế Bản Việt (sở hữu 300 chứng chỉ quỹ)	30.000.000.000	30.000.000.000
Lâm trường Krong Pac – Daklak (Công ty Lâm Nghiệp Phước An)	20.649.455.153	14.926.996.253
Công ty Cổ Phần Quản Lý Cụm Công Nghiệp Trường Thành (sở hữu 540.000 cổ phần)	5.400.000.000	-
Cho Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2) vay	44.089.904.959	18.000.000.000
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên)	-	6.063.000.000
Trái phiếu chính phủ	35.000.000	35.000.000
<b>Cộng</b>	<b>331.057.214.095</b>	<b>263.339.281.806</b>

#### 9.10. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng - VND	1.010.692.979.927	851.963.078.346
Vay chiết khấu bằng USD	1.644.822.129	65.945.572.376
Nợ dài hạn đến hạn trả	12.420.000.000	12.151.705.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.024.757.802.056</b>	<b>930.060.355.722</b>

Các khoản vay ngân hàng có lãi suất tùy thuộc vào từng hợp đồng. Tài sản đảm bảo được cầm cố, thế chấp tại các Ngân hàng chủ yếu là nguyên liệu gỗ.

Vay chiết khấu bộ chứng từ là khoản vay tương đương 94.277,59 USD, với lãi suất 6%/năm. Nợ dài hạn đến hạn trả - xem mục 9.14

#### 9.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	402.605.494.357	48.890.613.342
Người mua trả tiền trước	13.865.914.440	17.191.280.036
<b>Tổng cộng</b>	<b>416.471.408.797</b>	<b>66.081.893.378</b>

#### 9.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.524.540.865	2.384.360.267
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.569.593.222	1.282.619.995
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	298.071.703	350.202.680
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.392.205.790</b>	<b>4.017.182.942</b>

#### 9.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác chủ yếu là khoản phải trả bên liên quan với số tiền là 3.115.238.403 đồng.



#### 9.14. Các khoản vay dài hạn

Đây là các khoản vay dài hạn của Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) và Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1) tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Daklak, chi tiết như sau:

- Hợp đồng vay của Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) có tổng số tiền là 20.027.238.172 đồng, với thời hạn vay từ 60 tháng đến 72 tháng và lãi suất vay bình quân là 1,135%/tháng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư của dự án theo hợp đồng thế chấp số 06/CPTT/HĐTC ngày 25 tháng 07 năm 2006. Số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 10.127.238.172 đồng. Số dư nợ vay đến hạn phải trả trong năm 2010 là 9.900.000.000 đồng.

- Các hợp đồng vay dài hạn của Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1) gồm 3 hợp đồng vay với thời gian vay là 3-4 năm, lãi suất 0,97%/ tháng, được thế chấp bằng nguyên liệu gỗ, hệ thống kho hàng hoá xuất khẩu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, 16 lò sấy gỗ nguyên liệu và khu nhà ở công nhân viên. Số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 900.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến hạn phải trả trong năm 2010 là 2.520.000.000 đồng.

#### 9.15. Vốn chủ sở hữu (xem bảng trang 79)

#### 9.16. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	20.500.000	15.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	20.500.000	15.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	321	
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	20.499.679	15.000.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

#### 9.17. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	24.359.088.319	21.294.525.328
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.219.477.440	1.276.230.833
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	23.139.610.879	20.018.294.495
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	23.139.610.879	20.018.294.495
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong kỳ	18.971.998	15.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần</b>	<b>1.220</b>	<b>1.335</b>

#### (9.15. Vốn chủ sở hữu)

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	150.000						37.456		664.579
Tăng từ lợi nhuận năm trước					5.480	2.740			8.220
Tăng do bổ sung từ lợi nhuận năm nay								20.018	20.018
Tăng khác								32	32
Trích lập quỹ			(3)	(727)				(13.018)	(13.018)
Giảm khác				(425)				(14.981)	(15.374)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>150.000</b>	<b>477.123</b>	<b>(3)</b>	<b>(1.152)</b>	<b>5.480</b>	<b>2.740</b>	<b>29.507</b>	<b>29.507</b>	<b>664.457</b>
Tăng từ lợi nhuận năm nay								23.140	23.140
Tăng vốn trong năm	5.000								8.600
Tăng vốn từ thặng dư	50.000								50.000
Tăng khác								13	4.196
Giảm khác								(4)	(77.791)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>205.000</b>	<b>430.330</b>	<b>(3)</b>	<b>(1.152)</b>	<b>6.152</b>	<b>3.768</b>	<b>9</b>	<b>25.285</b>	<b>672.602</b>

(Đơn vị tính: triệu đồng)

### 9.18. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần giá trị từ kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của hai Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con. Hai Công ty con được hợp nhất trên báo cáo tài chính hợp nhất có tỷ lệ phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu như sau:

Công ty con	Tỷ lệ phần lợi ích cổ đông thiểu số
Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1)	30%
Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2)	30%

## 10. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

### 10.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.897.035.585.305	671.407.920.048
Doanh thu dịch vụ	6.450.230.262	21.791.682.861
Các khoản giảm trừ	(1.832.960.407)	(2.853.607.482)
Doanh thu thuần	1.901.652.855.160	690.345.995.427

### 10.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	1.731.025.411.530	508.818.806.065
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.744.830.016	420.500.085
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.014.134.970	2.247.823.126
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.734.784.376.516</b>	<b>511.487.129.276</b>

### 10.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	2.163.240.000	1.357.901.040
Lãi tiền gửi ngân hàng	430.104.993	1.253.729.152
Lãi cho vay	423.754.785	10.866.357.068
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần	8.400.000.000	36.000.000.000
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	859.222.125	
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.466.427.952	4.246.443.605
Khác		45.279.410
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.742.749.855</b>	<b>53.769.710.275</b>

### 10.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	83.028.630.953	91.974.469.382
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.365.261.995	11.182.173.717
Phí ngân hàng	1.004.225.629	1.593.986.840
Lỗ do bán chứng khoán	209.673.625	8.994.979.785
Chi phí giao dịch chứng khoán	25.373.302	6.323.268
Dự phòng đầu tư chứng khoán		17.705.085.416
Khác	123.579.459	126.124.592
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.756.744.963</b>	<b>131.583.143.000</b>

### 10.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.148.605.870	842.695.287
Chi phí vật liệu bao bì	1.704.110.316	368.904.593
Chi phí khấu hao	150.913.001	49.954.538
Chi phí xuất hàng	6.604.604.972	6.513.370.932
Chi phí siêu thị	307.059.887	938.258.752
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	2.071.808.617	2.476.159.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.158.323.327	6.654.913.133
Chi phí bằng tiền khác	6.439.164.909	5.252.917.109
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.584.590.899</b>	<b>23.097.173.975</b>

## 10.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	38.695.460.879	37.740.446.974
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.125.063.438	3.044.474.210
Chi phí khấu hao	3.522.255.139	1.819.966.448
Thuế, phí và lệ phí	1.494.617.307	1.133.642.029
Chi phí dự phòng	703.250.024	230.281.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.396.688.045	6.456.518.195
Chi phí bằng tiền khác	3.416.492.684	7.427.249.115
<b>Tổng cộng</b>	<b>55.353.827.516</b>	<b>57.852.578.471</b>

## 10.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý chênh lệch công nợ	4.361.748.064	
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.970.381.733	3.004.421.316
Khác	1.312.574.652	2.037.480.905
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.644.704.449</b>	<b>5.041.902.221</b>

## 10.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý tài sản	1.373.857.919	1.518.021.669
Chi phí khác	248.185.939	213.063.395
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.622.043.858</b>	<b>1.731.085.064</b>

## 11. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- + Daklak
- + Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: triệu đồng

	Daklak	Bình Dương	Loại trừ	Hợp nhất
<b>Doanh thu</b>				
Từ khách hàng bên ngoài	653.016	1.248.636		1.901.652
Giữa các bộ phận	183.349	81.193	(264.542)	
<b>Tổng cộng</b>	<b>836.365</b>	<b>1.329.829</b>	<b>(264.542)</b>	<b>1.901.652</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Kết quả của bộ phận	28.704	61.226		89.930
Chi phí không phân bổ				
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	28.704	61.226		89.930
Thu nhập tài chính	10.383	17.251	(11.891)	15.743
Chi phí tài chính	39.547	58.532	(10.323)	87.756
Lợi nhuận khác	4.525	6.497		11.022
Thuế thu nhập doanh nghiệp		4.580		4.580
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>4.065</b>	<b>21.862</b>	<b>(1.568)</b>	<b>24.359</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.219			1.219
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>2.846</b>	<b>21.862</b>	<b>(1.568)</b>	<b>23.140</b>
<b>Các thông tin khác</b>			<b>Loại trừ</b>	<b>Hợp nhất</b>
Tài sản của bộ phận	721.285	1.609.346	(154.328)	2.176.303
Tài sản không phân bổ				
<b>Tổng tài sản</b>	<b>721.285</b>	<b>1.609.346</b>	<b>(154.328)</b>	<b>2.176.303</b>
Nợ phải trả của bộ phận	649.967	945.852	(113.728)	1.482.091
Nợ phải trả không phân bổ				
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>649.967</b>	<b>945.852</b>	<b>(113.728)</b>	<b>1.482.091</b>
Chi phí mua sắm tài sản	17.969	15.118		33.087
Chi phí khấu hao	8.190	4.307		12.497

## 12. Thông tin về các bên có liên quan

Theo Chuẩn mực kế toán, các bên được xem là có liên quan với Công ty bao gồm các công ty sau:

### Công ty con

- Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1)
- Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2)
- Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)
- Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (Thủ Đức)
- Công ty Cổ Phần Trồng Rừng Trường Thành (Daklak)
- Công ty Cổ Phần Trường Thành Xanh
- Công ty Cổ Phần Lâm Nghiệp Trường Thành (Daklak)
- Công ty Cổ Phần Ván Công Nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)
- Công ty Cổ Phần Quản Lý Cụm Công Nghiệp Trường Thành

### Công ty liên kết

- Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên)

### Khác

- Công ty Cổ Phần Vật liệu Xây Dựng Trường Thành - Phước An
- Công ty Cổ Phần Phú Hữu Gia
- Công ty Cổ Phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An
- Công ty Cổ Phần Vũ Tuấn
- Công ty TNHH Lâm Nghiệp Hoàng Nam
- Công ty TNHH Ngọc Nguyễn
- Công ty TNHH Gia Phú Nguyễn
- Công ty TNHH Lâm Nghiệp Phương Mai

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên có liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
<b>Phải thu:</b>	<b>560.337.937.201</b>	<b>212.172.089.218</b>
Cho vay ngắn hạn – xem mục 9.2	-	123.791.842.380
Cho vay dài hạn – xem mục 9.9 (Cho Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành – Bình Dương 2 vay)	44.089.904.959	18.000.000.000
Các khoản phải thu – xem mục 9.3	516.248.032.242	70.380.246.838
<b>Phải trả:</b>	<b>346.203.068.691</b>	<b>12.907.822.335</b>
Các khoản phải trả – xem mục 9.11 & 9.13	346.203.068.691	12.907.822.335

Bản chất các giao dịch với các bên liên quan và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.462.093.639.765	157.759.423.024
Giá vốn hàng bán	1.274.355.245.694	127.864.895.592
Mua hàng	1.448.374.796.822	41.037.630.526
Cho vay	25.131.100.000	204.089.202.000
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần	8.400.000.000	36.000.000.000
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản	6.278.566.733	-
Chi phí thanh lý tài sản	542.790.346	-
Lãi cho vay	241.500.000	16.201.462.314
Vay	-	10.874.043.981

Lương của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị

	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.748.348.917	1.316.400.000
Lương, thưởng của cán bộ quản lý	7.176.562.375	8.375.580.253
Thù lao Hội đồng quản trị	496.000.000	671.311.519
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.420.911.292</b>	<b>10.363.291.772</b>

## 13. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

## 14. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 29 tháng 03 năm 2010.

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN HẬU

TỔNG GIÁM ĐỐC



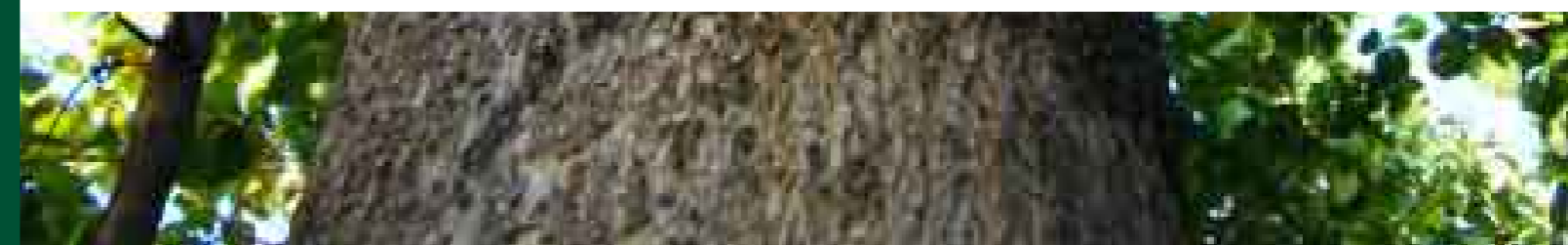
VÕ TRƯỜNG THÀNH



BẢN ĐỒ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC CẢNH QUAN  
DỰ ÁN 56 HECTA TẠI NHƠN TRẠCH - ĐỒNG NAI



Ý KIẾN  
CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP  
KIỂM TOÁN NỘI BỘ  
& BAN KIỂM SOÁT



## 1. Kiểm toán độc lập

### 1.1. Đơn vị kiểm toán độc lập

Công ty Kiểm toán DTL

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

ĐT: (08) 3827 5026 Fax: (08) 3827 5027

Email: dtlco@horwathdtl.com.vn

### 1.2. Ý kiến kiểm toán độc lập

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

#### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Tuy nhiên ý kiến của chúng tôi bị giới hạn bởi những vấn đề sau:

#### 1/ Phạm vi hợp nhất

Như đã nêu tại mục 2 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn chỉ bao gồm việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành - Bình Dương 1 và hai Công ty con là Công ty Cổ Phần Trường Thành - Daklak 1 và Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành - Daklak 2. Báo cáo tài chính của các công ty con còn lại chưa được hợp nhất trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

#### 2/ Quan sát kiểm kê hàng tồn kho

Đề quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cuối năm 2009 được đảm bảo liên tục và kịp thời nên Tập đoàn chưa tổ chức kiểm kê đầy đủ đối với nguyên vật liệu và bán thành phẩm phục vụ cho quá trình sản xuất. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể cho ý kiến đối với hàng tồn kho nêu trên của Tập đoàn.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, trên cơ sở phạm vi hợp nhất đã nêu, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin lưu ý về ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của các giao dịch với các bên có liên quan như đã nêu tại mục 12 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2010

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LỤC THỊ VÂN**  
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**NGUYỄN CHÁNH THÀNH**  
Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

### 1.3. Giải trình của Công ty CP Tập đoàn kỹ nghệ Gỗ Trường Thành đối với ý kiến giới hạn của Công ty kiểm toán DTL:

Chúng tôi xin phép được giải trình với các cổ đông của TTF về các điểm giới hạn trong Báo cáo Tài chính năm 2009 mà Công ty kiểm toán DTL đã nêu như sau:

1/ Giới hạn về việc chưa hợp nhất hết các công ty con vào báo cáo hợp nhất:

Đối với các công ty mà TTF đã đầu tư và có quyền biểu quyết trên 50% (9 công ty được liệt kê trong báo cáo tài chính đã kiểm toán), ngoại trừ Công ty CP Trường Thành (Dak Lak 1) và Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Dak Lak 2), ngay từ đầu, chúng tôi đã thống nhất trong HĐQT cũng như thỏa thuận với từng công ty này là TTF giao quyền kiểm soát cho họ đến khi TTF ban hành Quy chế Quản trị Tập đoàn theo mô hình công ty mẹ - con. Trước đây, chúng tôi dự kiến hoàn tất Quy chế này trong năm 2009. Tuy nhiên, sau khi biên soạn sơ bộ đã hoàn tất trong tháng 10 thì việc xem xét để ban hành chính quy phù hợp tình hình thực tế lại kéo dài đến tháng 1 năm 2010. Do đó, nghiệp vụ kế toán tài chính của các công ty này, sau nhiều lần huấn luyện trong năm, vẫn chưa hoàn hảo để làm báo cáo tài chính năm 2009 kịp thời theo Quy chế này, đặc biệt là theo hạn định bởi Luật Chứng khoán dành cho công ty niêm yết. Do đó, việc hợp nhất sẽ được chính thức thực hiện đối từ năm 2010.

Ngoài ra, theo Thông tư số 161/2007/TT-BTC ra ngày 31/12/2007, mục V “Hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán số 7: kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”, điều 1.1 có phần “Trường hợp nhà đầu tư nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư nhưng có thỏa thuận giữa bên nhận đầu tư và nhà đầu tư về việc nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể hoặc trường hợp nhà đầu tư giữ trên 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư nhưng có thỏa thuận về việc nhà đầu tư đó không nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư thì vẫn được kế toán khoản đầu tư đó là khoản đầu tư vào công ty liên kết” nên việc chúng tôi chỉ tiến hành hợp nhất trong năm 2009 với 2 công ty con nêu trên theo Báo cáo Tài chính đã được DTL kiểm toán là hoàn toàn hợp lệ theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính như đã nêu.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng xin báo cáo sơ bộ tình hình các công ty chưa được hợp nhất như sau:

- Các công ty thuộc mảng trồng rừng như Công ty CP Trồng rừng Trường Thành, Công ty CP Trường Thành Xanh, Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành đều đang hoạt động tốt. Các công ty này đã nhận được chấp thuận chủ trương đối với 90.000ha đất trồng rừng, đã hoàn tất thủ tục đất đai để trồng đối với diện tích gần 30.000ha, đã mua và trồng khoảng 6700ha, đang trồng khoảng 2200ha. Dự kiến sẽ khai thác lần đầu đối với 200-300ha rừng trong Quý 4 năm 2010. Do đó tiềm năng lợi nhuận là rất lớn từ năm 2010. Còn trước năm 2010, chúng ta chưa khai thác gỗ thì theo tiêu chuẩn hạch toán đối với sản phẩm lâm nghiệp sẽ làm cho việc hợp nhất tăng giá trị tài sản mà lại chưa làm tăng được hiệu quả hoạt động.

- Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành tại TP.HCM thì lại có quy mô rất nhỏ, lại đang nằm trong kế hoạch tái cấu trúc chuyển thành nhà máy làm bao bì cho Tập đoàn Trường Thành. Do đó, trong năm 2009, khi mà thị trường bị thu hẹp và tỷ suất lợi nhuận không cao, Công ty này đã được sử dụng để làm kho chứa hàng cho TTF, vì nếu hoạt động với quy mô nhỏ thì khó có thể đủ trang trải chi phí mà làm ra lợi nhuận ròng cho doanh nghiệp. Việc tái cơ cấu chuyển sang hình thức sản xuất kinh doanh mặt hàng hỗ trợ cho việc sản xuất kinh doanh chính của TTF sẽ được đệ trình thông qua phê duyệt của Đại hội Cổ đông TTF sắp tới.

- Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành tại Bình Dương, hay còn gọi là TTBD2, là niềm tự hào của việc sản xuất kinh doanh chính của TTF. Tuy nhiên, TTBD2 lại ra đời trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế từ 2008-2009, nên dù đã cố gắng hết sức để không bị lỗ theo kế hoạch kinh doanh đã thiết lập, thì công ty này cũng còn có mức lợi nhuận chưa đáng kể. Hiện tại, TTBD2 đã sản xuất trên điểm huê vốn và dự kiến sẽ có lợi nhuận tốt từ 2010.

- Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành tại Bình Dương, hay còn gọi là TTBD3, thì chỉ mới thành lập từ tháng 10 năm 2009, hiện chỉ đang trong giai đoạn xây dựng. Dự kiến đi vào hoạt động chính thức từ tháng 6 năm 2010.

- Công ty CP Quản lý Cụm CN Trường Thành Ea H'Leo tại Dak Lak thì cũng ra đời trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế nên chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư đăng ký tham gia thuê trong Cụm công nghiệp này. Do đó, Công ty cũng chưa đầu tư chi phí đáng kể vào hoạt động sản xuất kinh doanh này. Vì vậy, việc hợp nhất là chưa cần thiết khi cả doanh thu và chi phí đều nhỏ.

2/ Giới hạn về việc kiểm kê hàng tồn kho:

Công ty TTF chúng ta đã tiến hành kiểm kê và có số liệu đầy đủ. Tuy nhiên, với nhịp độ sản xuất của TTF, đơn vị kiểm toán DTL lại không đủ điều kiện về quỹ thời gian và nhân lực để kiểm tra lại theo ý mình nên đã không đưa ra kết luận được. TTF cam đoan thông tin về giá trị hàng tồn kho đã được thiết lập một cách khoa học và nghiêm ngặt theo chương trình truy ngược nguồn gốc Chain of Custody (C.o.C) mà tổ chức giám định độc lập quốc tế SGS đã đánh giá thường xuyên và công nhận.

## 2. Kiểm toán nội bộ

Trong năm 2009 Công ty vẫn phải đang đối mặt với một số khó khăn nhất định của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu chưa có dấu hiệu hồi phục rõ ràng, nhưng chúng tôi nhận thấy Ban lãnh đạo Công ty vẫn quyết tâm duy trì mạnh mẽ và phát huy triệt để vấn đề kiểm soát nội bộ và hướng tới sự minh bạch cao trong các hoạt động kinh doanh.

Ban Kiểm toán Nội bộ và Khối Kiểm soát Tuân thủ của Công ty đã phối hợp kiểm tra thường xuyên và định kỳ, duy trì sự tuân thủ cao trong các hệ thống quản lý được thiết lập tại Công ty.

Cụ thể Hệ thống Quản lý chuỗi hành trình sản phẩm FSC COC hàng năm được tổ chức chứng nhận và các tổ chức đại diện cho khách hàng đánh giá là Hệ thống mạnh trong ngành chế biến Gỗ Việt Nam, đảm bảo nói không với gỗ không có nguồn gốc và đáp ứng các yêu cầu của Đạo luật Lacey cho sản phẩm từ gỗ vào thị trường Mỹ cũng như yêu cầu khai báo của Châu Âu thông qua hiệp định Flegt.

Hệ thống Quản lý chất lượng và Hệ thống Trách nhiệm xã hội là hai hệ thống luôn hỗ trợ và tương tác nhau giúp cho ổn định nguồn lực làm việc và gia tăng chất lượng đảm bảo đáp ứng ngày càng cao các yêu cầu khắt khe của khách hàng. Đây cũng là thành tích góp phần giúp bộ phận Kinh doanh và Tiếp thị tìm kiếm được nhiều khách hàng tiềm năng mới và giúp công ty không những ổn định được mà còn tiếp tục phát triển ngay tại thời điểm khủng hoảng Kinh tế thị trường.

Bên cạnh đó hệ thống quản lý an toàn sản phẩm theo tiêu chuẩn BRC cũng đang được triển khai áp dụng tại Công ty nhằm đảm bảo sự tuân thủ luật pháp và cung cấp cho người tiêu dùng những sản phẩm an toàn và hợp pháp. Và Công ty còn thiết lập và duy trì hệ thống Trách nhiệm xã hội SA 8000, BSCI nhằm đảm bảo tuân thủ đúng các yêu cầu của Bộ luật lao động Việt Nam cũng như yêu cầu của công ước quốc tế do chính phủ Việt Nam thỏa thuận với tổ chức lao động quốc tế (ILO).

Các kỳ đánh giá nội bộ của Ban KTNB và Khối KSTT định kỳ hàng tháng, hàng quý tại Công ty cũng như tại các Công ty con đã thực sự tạo ra nhiều cơ hội cải tiến cho các bộ phận, phòng ban chức năng và nhà xưởng của toàn Tập đoàn.

Thông qua kiểm tra thực tế năm 2009, chúng tôi xác nhận các hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ bởi nội bộ và bên thứ ba, các đơn vị đều tuân thủ cao những qui trình, qui định của Công ty nói riêng và tuân thủ VAS và luật pháp hiện hành có liên quan nói chung, đặc biệt Công ty rất quan tâm và thường xuyên điều tra tất cả các nguy cơ tiềm ẩn từ các khoản chi phí nhằm phát hiện bất kỳ “rò rỉ” nào làm giảm lợi nhuận của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi tối đa cho các cổ đông của mình. Tuy nhiên, việc gia tăng công suất và tiếp nhận quá nhiều đơn hàng của Công ty luôn làm Công ty thiếu vốn, phải dự trữ nhiều. Đây là điểm mà chúng tôi vẫn thường xuyên lưu ý với Ban Điều hành Công ty nhằm tìm ra giải pháp tốt hơn trong thời gian sớm nhất.

Ngày 30 tháng 3 năm 2010  
TM. Ban Kiểm toán Nội bộ



Đỗ Ngọc Nam

## 3. Ban Kiểm soát

### 3.1. Báo cáo tài tình hình tài chính của Công ty

Đồng ý theo kết quả kiểm toán của DTL và các giải trình của TTF đối với các hạn chế trong báo cáo kiểm toán

### 3.2. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh năm 2009 của TTF

Năm 2009 tổng doanh thu đạt trên 1,9 ngàn tỷ đồng, tăng 2,75 lần so với năm 2008. Đây là một tín hiệu tốt vì trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang suy giảm nhưng doanh số năm 2009 đã đạt bước tăng trưởng rất tốt.

BKS đánh giá cao HĐQT và BGD đã có một số hành động kịp thời, sáng suốt và hiệu quả trong hoàn cảnh suy thoái kinh tế trong nước và toàn cầu như:

- Phát động phong trào tiết kiệm, chống lãng phí nhằm giảm thiểu chi phí một cách có hiệu quả
- Mở rộng sản xuất, đào tạo nhân viên, cán bộ có năng lực, trình độ cao mang lại sức mạnh cạnh tranh trên thị trường và có hiệu quả cho công ty
- Có nhiều chính sách hỗ trợ để công ty đạt được mức độ tăng trưởng doanh số, đặc biệt là thị trường Mỹ, trong bối cảnh kinh tế chung còn khó khăn

### 3.3. Đánh giá mức độ tuân thủ của TTF

- Công tác điều hành hoạt động của công ty đã thực hiện theo điều lệ công ty, các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng quản trị,
- Trong năm 2009 Ban Kiểm Soát không phát hiện bất kỳ trường hợp bất thường nào trong hoạt động tài chính của công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ, hệ thống kiểm soát tài chính hoạt động tốt, kịp thời phát hiện các vấn đề, đưa ra các kiến nghị và giải pháp phù hợp,
- Báo cáo tài chính đã phản ánh các khía cạnh trọng yếu của tình hình tài chính của công ty, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan,
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều được thông báo đến Ban Kiểm soát,
- Các nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông đều được thực hiện tốt.

### 3.4. Kiến nghị

Ban Kiểm Soát đề nghị Hội Đồng Quản Trị và Ban Lãnh đạo chú trọng hơn nữa việc sàng lọc khách hàng để có giá bán tốt hơn, giảm giá vốn hàng bán và các định phí nhằm có thể có lợi nhuận cao hơn. Bên cạnh đó, giảm tồn kho và giảm vốn vay là hai việc mà chúng tôi luôn muốn đề xuất thực hiện thường xuyên và liên tục. Điều này đảm bảo hiệu quả kinh doanh của công ty sẽ cao hơn, và khả năng thanh toán cũng tốt hơn.

Ngày 30 tháng 3 năm 2010  
TM. Ban Kiểm Soát



Trương Nữ Bích Vân





## CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

### PHẦN 8 CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ quyền góp vốn trên 50% vốn cổ phần của các công ty sau tại thời điểm 31/12/2009

#### 1.1. Công ty Cổ phần Trường Thành (trước đây là Xí nghiệp tư doanh) (TTDL1)

- \* Địa chỉ: Km 86, Quốc lộ 14, xã Earal, huyện EaH'Leo, Đắk Lắk
- \* Giấy CNĐKKD số: 40.03.000108, cấp ngày 13 tháng 02 năm 2007
- \* Vốn Điều lệ: 30.000.000.000 đồng
- \* Quyền góp vốn của TTF: 70% (theo Giấy CNĐKKD)
- \* TTF đã đầu tư: 21.000.000.000 đồng (chiếm 70% vốn điều lệ)
- \* Ngành nghề kinh doanh chính:

Trồng rừng. Khai thác gỗ. Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa. Mua bán, gia công hàng nông, lâm, thủy, hải sản )...

#### 1.2. Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Trường Thành (TTDL2)

- \* Địa chỉ: Km 83, Quốc lộ 14, xã Ea Ral, Huyện EaH'Leo, Dak Lak
- \* Giấy CNĐKKD Số: 40.03.000.015; đăng ký lần đầu ngày 22/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 28/05/2007
- \* Vốn điều lệ: 28.000.000.000 đồng
- \* Quyền góp vốn của TTF: 70% (theo Giấy CNĐKKD)
- \* TTF đã đầu tư: 19.600.000.000 đồng (chiếm 70% vốn điều lệ)
- \* Ngành nghề kinh doanh chính:

Trồng rừng. Khai thác và sơ chế gỗ. Chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa. Mua bán, gia công: sản phẩm mộc; sản phẩm nông, lâm, thủy, hải sản; phụ tùng, phụ kiện, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu trong ngành chế biến gỗ....

#### 1.3. Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành

- \* Địa chỉ: Thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương
- \* Giấy CNĐKKD Số: 3700727893; đăng ký lần đầu ngày 30/5/2006, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 12/2/2009,
- \* Vốn điều lệ: 135.000.000.000 đồng
- \* Quyền góp vốn của TTF: 60% (theo Giấy CNĐKKD)
- \* TTF đã đầu tư: 63.800.000.000 đồng (chiếm 47.25% vốn điều lệ)
- \* Ngành nghề kinh doanh chính:

Sản xuất đồ mộc – ván sàn nội thất xuất khẩu, mua bán các sản phẩm mộc, gia công các sản phẩm mộc, mua bán phụ tùng – phụ kiện – máy móc – thiết bị trong ngành chế biến gỗ...



#### 1.4. Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành

- \* Địa chỉ: 35 Quang Trung, Thống Nhất, Buôn Ma Thuột, Dak Lak
- \* Giấy CNĐKKD Số: 40.03.000222; đăng ký lần đầu ngày 23/8/2008,
- \* Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng
- \* Quyền góp vốn của TTF: 99,34% (theo Giấy CNĐKKD)
- \* TTF đã đầu tư: 23.261.278.917 đồng (chiếm 38.77% vốn điều lệ)
- \* Ngành nghề kinh doanh chính:  
Trồng rừng và chăm sóc rừng, sản xuất giống cây trồng, khai thác gỗ, trồng cây lâu năm, khai hoang cơ giới, san lấp mặt bằng, xây dựng công trình cầu đường, chế biến nông sản, sản xuất các sản phẩm từ gỗ, bán buôn máy móc - thiết bị - phụ tùng máy nông nghiệp, bán buôn nông lâm sản nguyên liệu, bán buôn phân bón, kinh doanh du lịch...

#### 1.5. Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh

- \* Địa chỉ: 81 Nguyễn Tất Thành, phường 2, TP. Tuy Hòa, Phú Yên
- \* Giấy CNĐKKD Số: 3603000109; đăng ký lần đầu ngày 18/2/2008, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 14/4/2008,
- \* Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng
- \* Quyền góp vốn của TTF: 85,72% (theo Giấy CNĐKKD)
- \* TTF đã đầu tư: 35.493.495.066 đồng (chiếm 35.49% vốn điều lệ)
- \* Ngành nghề kinh doanh chính:  
Trồng rừng – cây công nghiệp, bảo vệ rừng, nuôi trồng – mua bán – chế biến thủy hải sản, dịch vụ xử lý môi trường...

#### 1.6. Công ty Cổ phần Ván Công nghiệp Trường Thành

- \* Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương
- \* Giấy CNĐKKD Số: 3701624957; đăng ký lần đầu ngày 1/10/2009
- \* Vốn điều lệ: 56.470.000.000 đồng
- \* Quyền góp vốn của TTF: 51% (theo Giấy CNĐKKD)
- \* TTF đã đầu tư: 5.400.000 đồng (chiếm 9.56% vốn điều lệ)
- \* Ngành nghề kinh doanh chính:  
Sản xuất đồ mộc, ván lạng, ván ép, ván sàn ....

### 2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty khác nắm giữ

Không có

### 3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

- Đã hoàn tất góp vốn đủ theo giấy ĐKKD đối với 2 công ty trong số 6 công ty mà TTF có quyền góp trên 50% nêu trên, đó là TTDL1 và TTDL2.
- Thu được 2.845.447.360 đồng lợi nhuận từ 2 công ty hợp nhất (TTDL1 và TTDL2) trong năm 2009 (sau khi đã trừ lợi ích của cổ đông thiểu số). Các công ty còn lại (trừ các công ty chưa có doanh thu) thì quyết định không chia cổ tức mà dùng lợi nhuận để tái đầu tư nên TTF chưa có nguồn thu từ các công ty này.

### 4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

#### 4.1. Công ty CP Trường Thành (TTDL1)

Tiền thân TTDL 1 là xí nghiệp tư doanh được thành lập từ 1993, cũng chuyên chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ. Tuy nhiên, Công ty CP Trường Thành đã mua lại xí nghiệp từ tháng 2 năm 2007. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009:  
Doanh thu: 449.627.117.205 đồng (tăng 393% so với 2008)  
Lợi nhuận sau thuế: 2.433.341.764 đồng (tăng 90% so với 2008)  
Đã giảm được tồn kho từ 180 tỷ xuống còn 178 tỷ trong năm 2009  
Đã giảm được vay ngắn hạn từ 296 tỷ xuống còn 227 tỷ trong năm 2009

#### 4.2. Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTDL2)

Năm 2009 là năm thứ 3 kể từ khi hoạt động chính thức. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009:  
Doanh thu: 386.792.025.694 đồng (tăng 205% so với 2008)  
Lợi nhuận sau thuế: 1.631.583.038 đồng (giảm 45% so với 2008)  
Đã giảm được tồn kho từ 143 tỷ xuống còn 141 tỷ trong năm 2009  
Đã giảm được vay ngắn hạn từ 269 tỷ xuống còn 151 tỷ trong năm 2009

#### 4.3. Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương)

Bắt đầu hoạt động từ Quý 4 năm 2008 và có kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2009:  
Doanh thu: 351.087.042.257 đồng  
Lợi nhuận sau thuế: 4.151.331.324 đồng

#### 4.4. Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành (Daklak)

Hiện vẫn đang đầu tư mua và trồng rừng, chưa có doanh thu

#### 4.5. Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh (Phú Yên)

Hiện vẫn đang đầu tư mua và trồng rừng, chưa có doanh thu

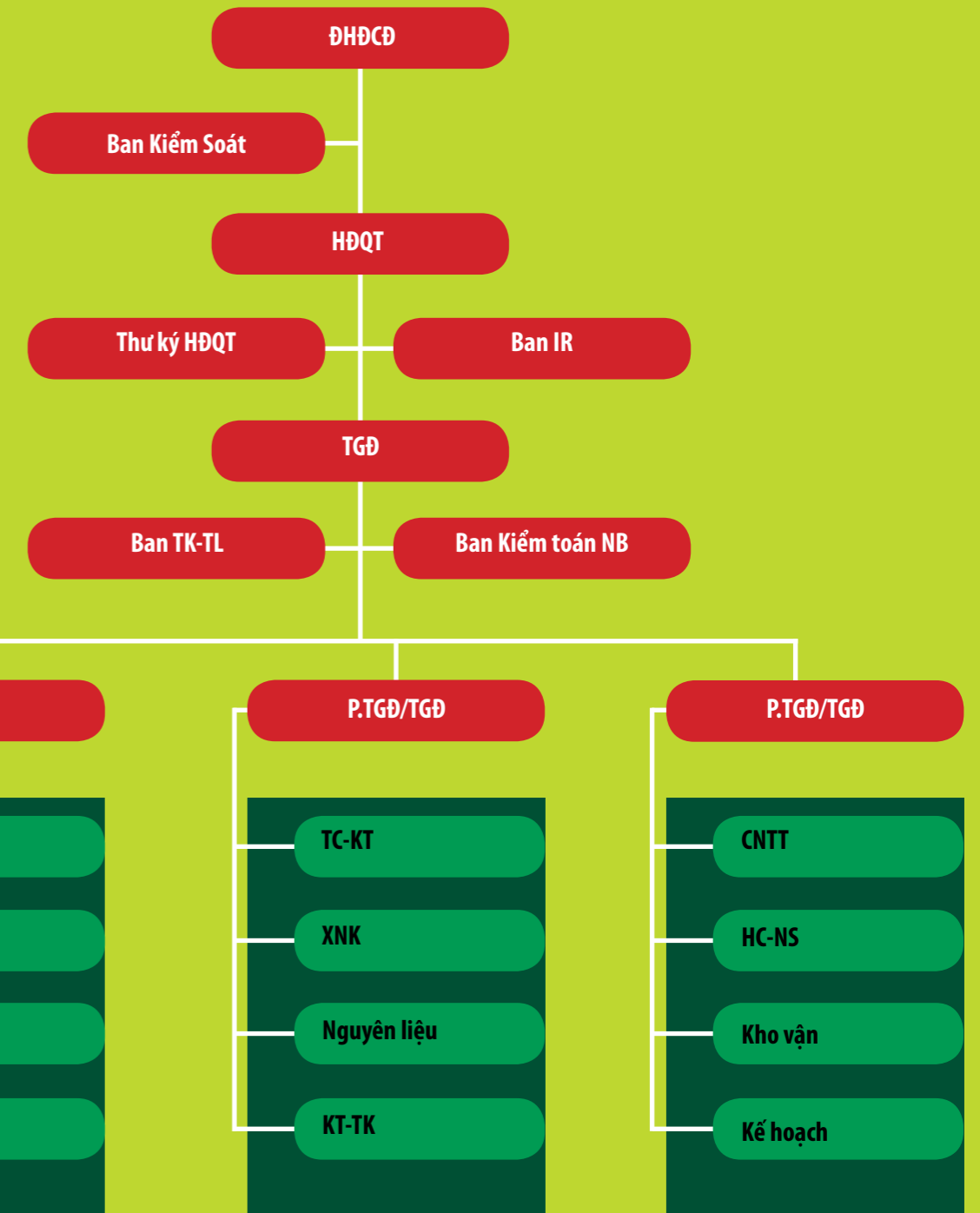
#### 4.6. Công ty Cổ phần Ván Công nghiệp Trường Thành (Bình Dương)

Mới thành lập vào tháng 10 năm 2009. Hiện còn đang trong thời gian xây dựng, chưa đi vào hoạt động



PHẦN 9  
TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TTF



**GHI CHÚ**

- ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông
- HDQT:** Hội đồng Quản trị
- IR:** Quan hệ nhà đầu tư
- Ban TK-TL:** Thư ký – Trợ lý Văn phòng Tổng Giám đốc
- NB:** Nội bộ
- TGD:** Tổng Giám đốc
- QLCL:** Quản lý Chất lượng
- CNNT:** Công nghệ Thông tin
- KD-TT:** Kinh doanh – Tiếp thị
- KS:** Kiểm soát
- XNK:** Xuất nhập khẩu
- HC-NS:** Hành chính - Nhân sự
- KT-TK:** Kỹ thuật – Thiết kế
- TC-KT:** Tài chính – Kế toán
- QLNLT:** Quản lý nguyên liệu thô



**2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành/  
Ban Lãnh đạo (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám  
đốc), Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc, kiêm Chủ tịch HĐQT  
Ông Võ Trường Thành**



- + Sinh năm 1958, Thạc sỹ QTKD tại Hoa Kỳ
- + Có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến gỗ
- + Đã đi hơn 20 nước trên thế giới để tìm hiểu về công nghệ chế biến gỗ hiện đại và trồng rừng
- + Từng nắm giữ các vị trí quan trọng trong các hiệp hội như: Cố vấn Hội Doanh nghiệp trẻ Dak Lak, Chủ tịch Hội Doanh nghiệp Dak Lak, Thành viên Ban Thường trực Hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ TP.HCM
- + Hiện nay là: Chủ tịch Hiệp hội Chế Biến Gỗ Bình Dương (BIFA), Thành viên Ban Chấp hành Hội Lâm sản Việt Nam, Thành viên Ban Thường trực Mạng lưới Kinh doanh Lâm sản Việt Nam (VFTN) trực thuộc Quỹ Bảo vệ Động Vật Hoang dã (WWF), Thành viên Câu lạc bộ Doanh nhân hàng đầu Thế giới



**Phó Tổng giám đốc, kiêm Ủy viên HĐQT  
Bà Ngô Thị Hồng Thu**

- + Sinh năm 1977, Thạc sỹ QTKD Đại học Tự do Bruxelles – Bỉ, Tiến sỹ QTKD của trường Đại học IAU – Mỹ
- + Có gần 10 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ
- + Được đào tạo tại Hoa Kỳ năm 2002 về gỗ và chế biến gỗ trong chương trình tài trợ bởi Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ
- + Đã đi hơn 20 quốc gia để tìm hiểu về nguyên liệu gỗ, xu hướng thiết kế sản phẩm gỗ và xúc tiến thương mại cho Công ty
- + Hiện phụ trách Khối Kinh doanh, Khối Cung ứng Vật tư, Khối Kiểm soát Tuân thủ và Viện Đào tạo.
- + Kiêm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) tại Tân Uyên, Bình Dương.



**Giám đốc Tài chính  
Ông Võ Diệp Văn Tuấn**



- + Sinh năm 1979, Thạc sỹ QTKD của trường ĐH Kaplan của Mỹ, cử nhân QTKD của trường University of Los Angeles, có chứng chỉ Award về Kế toán tài chính tại UCLA, Mỹ
- + Có hơn 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư tại Mỹ và Việt Nam
- + Hiện phụ trách Khối Tài chính của toàn Tập đoàn TTF
- + Kiêm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (TTBD3) tại Tân Uyên, Bình Dương.

**Phó Tổng giám đốc, kiêm Ủy viên HĐQT  
Ông Tạ Văn Nam**

- + Sinh năm 1951, tốt nghiệp Đại học Sư phạm
- + Có gần 12 năm kinh nghiệm quản lý và điều hành trong ngành chế biến gỗ
- + Hiện phụ trách Khối Quản lý Chất lượng, Khối Sản xuất, Ban Quản lý Nguyên liệu thô và Phân xưởng Tận dụng



**Kế toán trưởng  
Ông Nguyễn Văn Hậu**

- + Sinh năm 1975, tốt nghiệp Đại học Lâm nghiệp Hà Tây và Đại học Kinh tế TPHCM chuyên ngành kế toán kiểm toán
- + Có hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán tài chính
- + Hiện đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng của TTF từ tháng 4/2008





### 3. Quyền lợi của Ban điều hành, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng

#### 3.1. Tiền lương và thưởng

- Tổng Lương năm 2009 của Ban Điều hành (1 TGD và 2 P.TGD), Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng là 1.967.088.889 đồng, chiếm 8.12% lợi nhuận sau thuế của Công ty (theo kiểm toán) trong đó lương của TGD trong năm 2009 là 655.500.000 đồng.
- Tổng Thưởng năm 2009 của Ban Điều hành, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng là 197.080.000 đồng, chiếm 0.81% lợi nhuận sau thuế của Công ty (theo kiểm toán) trong thưởng của TGD trong năm 2009 là 49.000.000 đồng

#### 3.2. Các quyền lợi khác

Ban Điều hành, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng hưởng các quyền lợi tương tự tất cả CBCNV khác như 6 tháng xét thưởng 1 lần, 6 tháng xét tăng lương 1 lần, được thưởng khi có sáng kiến được công nhận, được tham gia chương trình ESOP của Công ty... **Tuy nhiên, trong năm 2009, với tình hình khó khăn của Công ty, Ban Điều hành đã tình nguyện không tăng lương cũng như đề xuất mức thưởng năm rất thấp.**

### 4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

4.1 Số lượng người lao động trong Công ty (chỉ tính riêng công ty mẹ, tức TTF)  
 Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 là 1538 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Trình độ học vấn	Cán bộ	Nhân viên gián tiếp	Công nhân trực tiếp	Tổng cộng
Tiến sĩ	1	-	-	1
Thạc sĩ	20	5	-	25
Cử nhân/ Đại học	49	155	11	215
Cao đẳng, Trung cấp	6	60	87	153
Từ lớp 12 trở xuống	-	-	1189	1189
<b>Tổng cộng</b>	<b>76</b>	<b>220</b>	<b>1287</b>	<b>1583</b>

#### 4.2 Chính sách đối với người lao động

##### 4.2.1 Chế độ làm việc:

- Công ty thực hiện chế độ 44 giờ/tuần (làm việc 5 ngày 1 tuần) đối với lực lượng gián tiếp.

- Căn cứ trên nhu cầu công việc thực tế và để hạn chế vấn đề tăng ca, tạo điều kiện cho công nhân được học tập nghỉ ngơi, công nhân sản xuất chia thành 2 ca (sáng và tối).
- Nếu tiến độ công việc gấp cần phải tăng ca, Công ty thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể quy định bởi Luật lao động Việt Nam. Thỏa ước này đã được đăng ký và được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền.
- Nhân viên theo chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ: Công ty sẽ giảm 1 giờ làm việc/ngày cho các nhân viên đang nuôi con nhỏ (dưới 12 tháng). Nhân viên nữ làm việc chân tay sẽ được giảm bớt 1 giờ làm việc/ngày bắt đầu khi mang thai tháng thứ 7 đến khi đưa trẻ được 12 tháng.
- Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12 ngày/năm. Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên trong công ty, cứ mỗi 5 năm làm việc được nghỉ thêm 1 ngày.



##### 4.2.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo

###### 4.2.2.1 Tuyển dụng

- Đảm bảo rằng chính sách tuyển dụng của Công ty không phân biệt giới tính và địa vị, phù hợp với các quy định của Nhà nước, của SA 8000 (Social Accountability – Trách nhiệm Xã hội) và ILO ( International Labor Organization – Tổ chức Lao động Quốc tế)
- Ưu tiên tuyển dụng những người trẻ và thông minh, có trình độ học vấn cao để Công ty đào tạo trong chương trình cán bộ nguồn nhằm đáp ứng cho nhu cầu liên tục phát triển và mở rộng quy mô Công ty, cũng như tăng cường cho các công ty con.
- Thu hút những người có kinh nghiệm trong ngành, nhiệt tình, có trách nhiệm, ham học hỏi, biết sáng tạo. Ưu tiên những người có khả năng phân tích tổng hợp, xử lý tình huống và quản trị công việc tốt.
- Đối với một số vị trí cấp cao như Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính và các Giám đốc khác, Công ty ưu tiên tuyển dụng những người có học vị Thạc sĩ trở lên và được đào tạo từ các nước tiên tiến cũng có kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng huấn luyện và trình độ chuyên môn thích hợp.
- Đối với công nhân, ưu tiên người đến từ địa phương có nền công nghiệp ít phát triển để đào tạo thành công nhân kỹ thuật lành nghề và đầu tư vào nhà ở đầy đủ tiện nghi cho công nhân. Điều này góp phần ổn định lực lượng công nhân đồng đảo của Công ty.





#### 4.2.2.2 Đào tạo và huấn luyện

• Thường xuyên tổ chức huấn luyện và đào tạo tại Công ty với tần suất tối thiểu 25 ngày mỗi năm. Đây là 1 tần suất khá cao, kể cả so với các công ty đa quốc gia. Điều này góp phần làm cho hệ thống quản trị của Công ty luôn theo kịp thế giới kinh doanh quốc tế ngày càng phát triển.

• Các khóa đào tạo – huấn luyện xoay quanh các chủ đề sau:

- + Kỹ năng lãnh đạo
- + Kỹ năng quản lý
- + Kỹ năng quản trị văn phòng
- + Các kiến thức chuyên môn của từng phòng, ban chức năng
- + Quy trình sản xuất của từng nhà máy
- + Kỹ thuật chế biến sản phẩm gỗ
- + Tiêu chuẩn thiết kế thông minh
- + Kỹ năng sử dụng máy móc, thiết bị
- + Quản lý chất lượng đối với hệ thống và đối với sản phẩm
- + Kiến thức về CoC (Truy ngược nguồn



gốc sản phẩm), đạo luật Lacey của Mỹ

+ PCCC, An toàn lao động, An toàn khi sử dụng hoá chất

+ ISO 9001:2008, SA 8000

+ Quản trị chi phí

• Tài trợ cho một số cán bộ, nhân viên đi học trong nước và ở nước ngoài về các lĩnh vực như thiết kế, hoàn thiện sản phẩm gỗ, quản lý nguyên liệu thô, quản lý kho bãi, tổ chức hậu cần, kế toán doanh nghiệp...

• Để khắc phục tình trạng thiếu nhân lực cho ngành chế biến gỗ, Tập đoàn Trường Thành đã được GTZ tài trợ 54% chi phí thành lập trung tâm đào tạo tại nhà máy TTDL 1 (Công ty cổ phần Trường Thành – Dak Lak) với tổng vốn đầu tư là 7 tỷ đồng. Trung tâm này đã bắt đầu hoạt động từ cuối tháng 4/2007, với sự tham gia giảng dạy của 3 giảng viên đến từ Đức (do Bộ Ngoại giao Đức chi trả) và 7 giảng viên đến từ Tập đoàn Trường Thành.

#### 4.2.2.3 Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Ý thức rằng nhân lực là một nguồn tài sản lớn của doanh nghiệp, Công ty đã rất chú trọng vào các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, cơ hội thăng tiến và văn hóa công ty để nhằm giữ và trọng dụng nhân tài.

• Chính sách lương:

+ Luôn duy trì mức lương cao so với các công ty đồng ngành, và thường cao hơn nhiều so với quy định của Nhà nước.

+ 6 tháng xét tăng lương 1 lần, dựa trên năng lực, sự tiến bộ và thành quả đóng góp của từng cá nhân.



+ Tổ chức đi du lịch xa cho toàn thể CBCNV ít nhất 1 lần/năm

+ Tổ chức vui chơi giải trí cho toàn thể CBCNV như hội thao, văn nghệ, thi nấu ăn, thi cắm hoa, thi đố vui... có thưởng trong các dịp lễ quốc gia và lễ của Công ty.



• Chính sách thưởng:

- + Ít nhất 6 tháng xét thưởng 1 lần theo Quy chế khen thưởng của Công ty, được bình bầu công khai hoặc thi tay nghề
- + Áp dụng ESOP (Employee Stock Ownership Plan – Kế hoạch cho người lao động sở hữu Cổ phần) từ năm 2007, tạo cơ hội làm chủ cho toàn thể CBCNV của Công ty.
- + Áp dụng khen thưởng đột xuất cho các cá nhân/tập thể hoàn thành nhiệm vụ ở mức sáng tạo cao hoặc có sáng kiến cải tiến kỹ thuật – quản lý... để làm tăng cao hiệu suất trong công việc.
- + Áp dụng khen thưởng khi cá nhân/tập thể đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu quan trọng do BGD đề ra.



• Phúc lợi:

- + Bảo hiểm xã hội và y tế cho CBCNV theo Quy định của Nhà nước
- + Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CBCNV
- + Bố trí xe đưa rước cho CBCNV ở xa công ty.
- + Thành lập Công đoàn để bảo vệ quyền lợi cho người lao động
- + Đã đầu tư gần 10 tỷ đồng để xây dựng nhà ở cho CBCNV tại Bình Dương và Dak Lak
- + Và một số trợ cấp, phúc lợi khác theo Luật Lao động Việt Nam và Quy chế Nhân viên của Công ty.



Nhà tập thể miễn phí cho công nhân



#### 4.2.2.4 Văn hóa Công ty:

Nhằm gắn bó hàng ngàn CBCNV lại với nhau, Công ty đã xây dựng và phát triển một văn hóa doanh nghiệp đặc trưng của mình, làm cho mọi người đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau, tránh phân biệt đối xử và cùng chung hưởng niềm tự hào là thành viên của Tập đoàn Trường Thành. Một số điển hình của văn hóa Trường Thành là:

- Phát triển văn hóa phản biện trong các cuộc họp, hội thảo và huấn luyện;
- Áp dụng chính sách Open Door đối với mọi cấp quản lý trong Công ty;
- Khuyến khích xây dựng nhóm và tạo điều kiện để nhóm làm việc hiệu quả;
- Thừa nhận, tôn trọng và khen thưởng thành quả, sáng kiến của cấp dưới;
- Cấp trên luôn nhiệt tình đào tạo và hướng dẫn cấp dưới;
- Bài hát truyền thống của Công ty: VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG NGẠO NGHỀ của Nhạc sỹ Nguyễn Đức Quang. Đã sáng tác nhiều bài Hùng ca và Vui ca cho Công ty

- Slogan của Công ty: **Toả Sáng Mọi Không Gian**



- Cờ truyền thống của Công ty

- Công ty có Lễ phục và Đồng phục của Công ty, đồng phục của từng phòng ban



5. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

5.1. Hội đồng quản trị:

Thời gian	Miễn nhiệm	Ghi chú	Số lượng thành viên HĐQT sau khi miễn nhiệm
Tháng 4/ 2009	Ông Liam Pius Cully	Từ chức do làm việc ở nước ngoài nên đi lại không thuận lợi khi có họp HĐQT	6

5.2. Ban Điều hành (BDH):

Không thay đổi, trong năm 2009, duy trì 1 Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng Giám đốc. Chưa tuyển được 2 Phó Tổng Giám đốc để bổ sung theo kế hoạch

5.3. Ban Kiểm soát (BKS):

Thời gian	Bổ sung	Ghi chú	Số lượng thành viên BKS sau khi bổ sung/
Tháng 4/ 2009	Ông Nguyễn Văn Hân	Được bầu làm Trưởng ban Kiểm soát trong Đại hội Cổ đông thường niên năm 2009	3

5.4. Giám đốc Tài chính:

Bổ nhiệm Ông Võ Diệp Văn Tuấn làm Giám đốc Tài chính. Trước đó, Ông Tuấn giữ vị trí Trưởng phòng Tài chính của TTF

5.5. Kế toán trưởng:

Không thay đổi. Ông Nguyễn Văn Hậu vẫn giữ vị trí Kế toán trưởng



# THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY

## PHẦN 10

### THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- 1.1 Thành viên & cơ cấu của HĐQT



1



2



3



4



5



6

Danh sách các thành viên HĐQT vào ngày lập báo cáo thường niên này bao gồm

- |  |  |
|--|--|
| <p><b>1</b> Ông Võ Trường Thành<br/>năm sinh: 1958<br/>Chủ Tịch, kiêm Tổng Giám Đốc</p>  | <p><b>4</b> Bà Ngô Thị Hồng Thu<br/>năm sinh: 1977<br/>Thành Viên, kiêm Phó Tổng Giám Đốc</p>      |
| <p><b>2</b> Bà Diệp Thị Thu<br/>năm sinh: 1954<br/>Thành Viên (Không Điều Hành)</p>      | <p><b>5</b> Ông Nguyễn Đình Nghĩa<br/>năm sinh: 1965<br/>Thành Viên (Không Điều Hành)</p>          |
| <p><b>3</b> Ông Tạ Văn Nam<br/>năm sinh: 1951<br/>Thành Viên, kiêm Phó Tổng Giám Đốc</p> | <p><b>6</b> Ông Huỳnh Phú Quốc<br/>năm sinh: 1969<br/>Thành Viên, kiêm Giám Đốc Xuất Nhập Khẩu</p> |



## 1.2 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát



1



2



3

1 Ông Nguyễn Văn Hân  
năm sinh: 1978  
Trưởng ban

2 Bà Phạm Thị Mỹ Hà  
năm sinh: 1973  
Thành viên

3 Bà Trương Nữ Bích Vân  
năm sinh: 1978  
Thành viên

## 1.3 Hoạt động của HĐQT (kể cả HĐQT độc lập không điều hành)

Trong năm 2009, HĐQT đã họp 9 phiên với các nội dung chính sau:

- Kế hoạch tổ chức và nội dung đại hội cổ đông năm 2009
- Báo cáo tài chính kiểm toán và kết quả hoạt động kinh doanh 2008
- Rà soát – điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2009
- Dự thảo kế hoạch kinh doanh 2010
- Niêm yết bổ sung cổ phiếu thưởng năm 2008
- Mua cổ phiếu quỹ
- Điều chỉnh một số nội dung trong giấy ĐKKD
- Kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng và cổ phiếu ưu đãi cho CBCNV năm 2009
- Kế hoạch vay vốn trong năm 2009
- Thay đổi các thành viên HĐQT trong năm 2009
- Chi trả cổ tức năm 2009 cho cổ đông
- Nhận định tình hình kinh tế thế giới và các chỉ đạo chiến lược cho phù hợp với thời cuộc
- Nhận định các biến động về tỷ giá USD và các yêu cầu mới cho Ban Điều hành
- Các dự án đầu tư

## 1.4. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Tham gia tổ chức, kiểm phiếu đại hội cổ đông thường niên năm 2009;
- Tham gia 100% các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội Cổ đông, trao đổi ý kiến với HĐQT để tìm hiểu kế hoạch hành động của Công ty trước những sự thay đổi tình hình tài chính trong nước và thế giới;
- Xem xét báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính từng Quý và cả năm;
- Xem xét tính minh bạch của quá trình và nội dung công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư



## 1.5. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

- Duy trì tần suất họp HĐQT ít nhất 9 lần trong năm 2010 nhằm phân công chắc chắn hơn công việc cần làm cho từng thành viên HĐQT và cập nhật nhanh hơn hoạt động sản xuất – kinh doanh – đầu tư của Công ty. Các cuộc họp HĐQT có thể là tập trung hoặc không tập trung nhưng qua hệ thống camera-online và e-conference mà Công ty đã thiết lập.
- Tăng cường thêm 2 Phó Tổng Giám đốc
- Hoạch định và thực hiện việc chuyển công tác Tổng Giám đốc hiện nay do Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm cho nhân sự khác trong thời gian 1-2 năm tới.
- Duy trì và phát huy các cuộc họp xem xét của Lãnh đạo trong Công ty nhằm đưa ra sớm các biện pháp quản trị cải tiến/ khắc phục khi phát hiện các điểm không phù hợp trong hệ thống
- Phát huy công dụng của hệ thống mạng LAN, WAN và camera để các cấp lãnh đạo vẫn có thể điều hành Công ty khi đi công tác xa
- Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo về Leadership đối với tất cả cán bộ từ phó phòng trở lên
- Nhờ đã trang bị E-Conference nên tăng cường họp với BGD các công ty con và công ty liên kết, giảm thời gian và chi phí đi lại
- Cải tiến Quy chế Quản trị mô hình công ty mẹ - con mà năm 2009 đã thiết lập sơ bộ
- Liên tục huấn luyện đội ngũ kế toán của các công ty con để sử dụng thuần thực cùng một phần mềm kế toán trong cả Tập đoàn, góp phần làm thuận lợi công tác hợp nhất

## 1.6. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT

Tổng thù lao và chi phí cho HĐQT (kể cả thư ký HĐQT) là 496.000.000 đồng, tương ứng 2.04% lợi nhuận ròng sau thuế của Công ty, và giảm 12% so với năm 2008

Họ và tên	Vị trí	Số tháng làm việc trong năm	Thù lao đã nhận (VND)
Võ Trường Thành	Chủ tịch	12	100.000.000
Tạ Văn Nam	Thành viên	12	72.000.000
Diệp Thị Thu	Thành viên	12	72.000.000
Ngô Thị Hồng Thu	Thành viên	12	72.000.000
Huỳnh Phú Quốc	Thành viên	12	72.000.000
Nguyễn Đình Nghĩa	Thành viên	12	72.000.000
Lã Thị Thanh Hà	Thư ký HĐQT	6	18.000.000
Trần Lê Anh Thư	Thư ký HĐQT	6	18.000.000

Riêng Tổng Giám đốc thì không có khoảng thù lao hay chi phí riêng gì thêm ngoài lương và thưởng đã được công bố trong phần lương và thưởng của Ban Điều hành

### 1.7. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên Ban Kiểm soát

Tổng thù lao và chi phí cho BKS là 60.000.000 đồng, tương ứng 0.25% lợi nhuận ròng sau thuế của Công ty, và giảm 44% so với năm 2008

Họ và tên	Vị trí	Số tháng làm việc trong năm	Thù lao đã nhận (VND)
Nguyễn Văn Hân	Trưởng ban	8	24.000.000
Trương Nữ Bích Vân	Thành viên	12	24.000.000
Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên	6	12.000.000

### 1.8. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

100% thành viên HĐQT, BKS và Ban Điều hành đều đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

### 1.9. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các thành viên HĐQT

TT	HỌ VÀ TÊN	Đầu năm 2009 (cổ phần)	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Thay đổi (cổ phần)
1	Võ Trường Thành	2.339.674	3.294.375	+954.701
2	Tạ Văn Nam	240.000	260.000	+20.000
3	Ngô Thị Hồng Thu	95.370	97.659	+2.289
4	Huỳnh Phú Quốc	25.000	23.333	-1.667
5	Nguyễn Đình Nghĩa	16.000	21.333	+5.333
6	Diệp Thị Thu	1.683.328	2.064.437	+381.109

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của những người liên quan của các thành viên HĐQT (nếu có)

#### a/ Đối với Ông Võ Trường Thành

TT	HỌ VÀ TÊN	Đầu năm 2009 (cổ phần)	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Thay đổi (cổ phần)
1	Vợ là Diệp Thị Thu	1.683.328	2.064.437	+381.109
2	Anh rể là Tạ Văn Nam	240.000	260.000	+20.000
3	Em vợ là Diệp Bảo Thành	32.000	6	- 31.994
4	Chị ruột là Võ Thị Năng	35.866	7.526	-28.340
5	Con là Võ Diệp Văn Tuấn	87.500	116.666	+29.166
6	Con là Võ Diệp Cẩm Vân	40.000	53.333	+13.333
7	Con là Võ Diệp Cẩm Tú	50.000	108.399	+ 58.399

#### b/ Đối với Ông Tạ Văn Nam

TT	HỌ VÀ TÊN	Đầu năm 2009 (cổ phần)	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Thay đổi (cổ phần)
1	Vợ là Võ Thị Năng	35.866	7.526	-28.340
2	Con là Tạ Thị Vũ Vân	52.133	33.633	-18.500
3	Em rể là Võ Trường Thành	2.339.674	3.294.375	+954.701

#### c/ Đối với Bà Ngô Thị Hồng Thu

TT	HỌ VÀ TÊN	Đầu năm 2009 (cổ phần)	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Thay đổi (cổ phần)
1	Anh là Ngô Văn Toàn	11.000	14.666	+3.666

#### d/ Đối với Nguyễn Đình Nghĩa

Không có người liên quan nào nắm giữ cổ phiếu TTF

#### e/ Đối với Huỳnh Phú Quốc

Không có người liên quan nào nắm giữ cổ phiếu TTF

#### f/ Đối với Bà Diệp Thị Thu

TT	HỌ VÀ TÊN	Đầu năm 2009 (cổ phần)	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Thay đổi (cổ phần)
1	Chồng là Võ Trường Thành	2.339.674	3.294.375	+954.701
2	Chị chồng là Võ Thị Năng	35.866	7.526	-28.340
3	Em là Diệp Bảo Thành	32.000	6	- 31.994
5	Con là Võ Diệp Văn Tuấn	87.500	116.666	+29.166
6	Con là Võ Diệp Cẩm Vân	40.000	53.333	+13.333
7	Con là Võ Diệp Cẩm Tú	50.000	108.399	+ 58.399

### 1.10. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn

1.10.1. Hội đồng Quản trị:  
(Như trên)

1.10.2. Ban Điều hành

TT	HỌ VÀ TÊN	Đầu năm 2009 (cổ phần)	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Thay đổi (cổ phần)
1	Võ Trường Thành	2.339.674	3.294.375	+954.701
2	Tạ Văn Nam	240.000	260.000	+20.000
3	Ngô Thị Hồng Thu	95.370	97.659	+2.289

Thông tin về người liên quan nắm giữ cổ phiếu TTF: như trên

1.10.3. Ban Kiểm soát

TT	HỌ VÀ TÊN	Đầu năm 2009 (cổ phần)	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Thay đổi (cổ phần)
1	Nguyễn Văn Hân	0	0	0
2	Phạm Thị Mỹ Hà	19.000	25.333	+6.333
3	Trương Nữ Bích Vân	0	0	0

Thông tin về người liên quan nắm giữ cổ phiếu TTF: không có người nào

1.10.4. Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng:

TT	HỌ VÀ TÊN	Đầu năm 2009 (cổ phần)	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Thay đổi (cổ phần)
1	Võ Diệp Văn Tuấn Giám đốc Tài chính	87.500	116.666	+29.166
2	Nguyễn Văn Hậu Kế toán trưởng	0	0	0

Thông tin về người liên quan nắm giữ cổ phiếu TTF  
a/ Đối với Võ Diệp Văn Tuấn

TT	HỌ VÀ TÊN	Đầu năm 2009 (cổ phần)	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Thay đổi (cổ phần)
1	Ba là Võ Trường Thành	2.339.674	3.294.375	+954.701
2	Mẹ là Diệp Thị Thu	1.683.328	2.064.437	+381.109
3	Em là Võ Diệp Cẩm Vân	40.000	53.333	+13.333
4	Em là Võ Diệp Cẩm Tú	50.000	108.399	+ 58.399

b/ Đối với Nguyễn Văn Hậu

Không có người liên quan nào nắm giữ cổ phiếu TTF

1.10.5. Cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% cổ phần TTF):

1.10.5.1. Cổ đông trong nước

TT	HỌ VÀ TÊN	Đầu năm 2009 (cổ phần)	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Thay đổi (cổ phần)
1	Võ Trường Thành	2.339.674	3.294.375	+954.701
2	Diệp Thị Thu	1.683.328	2.064.437	+381.109
3	Vietnam Investment Fund	700.000	1.960.003	+1.260.003

1.10.5.2. Cổ đông nước ngoài

TT	HỌ VÀ TÊN	Đầu năm 2009 (cổ phần)	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Thay đổi (cổ phần)
1	Aureos South East Asia Managers Ltd	1.087.229	1.087.238	+9
2	VOF Investment Limited	626.170	3	-626.167

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông (theo danh sách chốt ngày 4/1/2010)

**2.1. Cổ đông trong nước: nắm giữ 16.798.869 cổ phần, chiếm 83.99%**

2.1.1. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước

Do Công ty đã niêm yết nên số lượng cổ đông đã tăng lên nhanh chóng (khoảng 3080 người vào 4/1/2010) nên Công ty không thể thống kê theo chi tiết về cổ đông trong và ngoài công ty. Số liệu mà Công ty có được là:

STT	Đối tượng	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ trên tổng cổ phần TTF
1	HĐQT (trong nước)	5.761.137	28,80%
2	Cổ đông cá nhân	13.642.693	68,21%
3	Cổ đông tổ chức	3.156.176	15,78%
	<b>Tổng cộng cổ đông trong nước</b>	<b>16.798.869</b>	<b>83.99%</b>

2.1.2. Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn (nắm giữ trên 5%)

TT	Họ và tên cá nhân/ tổ chức và nghề nghiệp/ ngành nghề kinh doanh	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Võ Trường Thành (Chủ tịch HĐQT kiêm TGD của TTF) 286A Bùi Đình Túy, phường 24, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM CMND số: 23780115 Ngày cấp: 18/10/1999 tại CA.TpHCM	3.294.375	16,47%
2	Diệp Thị Thu (Chủ tịch HĐQT của TTDL1 và TTDL2) 2G Bùi Minh Trực, Phường 5, Quận 8, TP.HCM CMND số: 23851428 Ngày cấp: 16/7/2003 tại CA.TpHCM	2.064.437	10,32%
3	VIETNAM INVESTMENT FUND Đc: Tầng 12, tháp A, Tháp đôi Vincom, 191 Bà Triệu, Hà Nội GPKD số: 03/UBCK-TLQTV Ngày cấp: 13/03/2006 Nơi cấp: UBCK	1.960.003	9,80%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.318.812</b>	<b>36,59%</b>

2.2. Cổ đông nước ngoài: nắm giữ 3.201.131 cổ phần, chiếm 16.01%

2.2.1. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài

STT	Đối tượng	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ trên tổng cổ phần TTF
1	Cổ đông cá nhân	66.817	0,33%
2	Cổ đông tổ chức	3.134.314	15,68%
	<b>Tổng cộng cổ đông nước ngoài</b>	<b>3.201.131</b>	<b>16.01%</b>

2.2.2. Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn

TT	Họ và tên cá nhân/ tổ chức và nghề nghiệp/ ngành nghề kinh doanh	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Aureos South East Asia Managers Ltd (Đầu tư tài chính) Đc: Lầu 4, tòa nhà Les Cascades, đường Edith Cavell, Port Louis, Mauritius. GPKD số: 50354 C1/GBL Ngày cấp: 13/4/2004 Nơi cấp: Republic of Mauritius.	1.087.238	5,44%

Trân trọng  
Ngày 7 tháng 04 năm 2010  
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**VÕ TRƯỜNG THÀNH**

## PHỤ LỤC 1

### HIỆU QUẢ XÃ HỘI & CÁC TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

#### Hiệu quả kinh tế- xã hội

- Tạo thêm việc làm nhiều cho người lao động, ngay cả trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế
- Góp phần phát triển kinh tế, tăng GDP cho quốc gia.
- Nâng cao kim ngạch xuất khẩu cho quốc gia.
- Đóng góp nhiều hơn vào ngân sách Nhà nước.
- Góp phần phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ và trồng rừng của quốc gia.
- Giảm đi việc khai thác gỗ làm dăm để xuất khẩu với giá chỉ dưới 65USD/tấn.

#### Ảnh hưởng đối với môi trường



Các nhà xưởng của Tập đoàn được đầu tư xây dựng hiện đại theo tiêu chuẩn Châu Âu. Do đó, môi trường sản xuất và điều kiện làm việc của toàn nhà máy đã bao gồm việc hạn chế bụi gỗ sản xuất cũng như thiết lập một hệ thống thông thoáng khí nhằm hạn chế tối đa những rủi ro về sức khỏe cho cán bộ và công nhân trực tiếp vận hành sản xuất.

Hệ thống hút bụi 300HP phía sau nhà máy

Ngoài ra, trong năm 2010, Tập đoàn sẽ di dời nhà máy sản xuất ván dăm từ Phú Yên vào Bình Dương. Lúc đó, toàn bộ mạt cưa, vụn gỗ đều được tập trung làm dăm để ép ván, sau đó được tiếp tục dùng trong chế biến hàng mộc ra thành phẩm bán trong nước và xuất khẩu.

Ngoài ra, trong thời gian hoạt động, các nhà máy của Công ty luôn được đảm bảo đáp ứng tất cả các chỉ tiêu về môi trường TCVN 5945-95



Nguyên liệu chính là gỗ, luôn có nguồn gốc rõ ràng, từ rừng trồng và từ rừng được cấp chứng nhận FSC, rất phù hợp với chính sách dùng gỗ có nguồn gốc sạch mà Đạo Luật Lacey của Mỹ đã đi vào áp dụng và Hiệp định FLEGT của Cộng đồng EU sắp tới. Do đó, việc sản xuất và kinh doanh các sản phẩm gỗ trong Dự án này không làm ảnh hưởng nhiều đến tài nguyên rừng của Việt Nam và được xây dựng trên nền tảng TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG. Đó là chưa kể đến việc Tập đoàn còn tiến hành trồng 100,000 ha (giai đoạn 1) trên toàn lãnh thổ Việt Nam, góp phần làm sạch thêm “lá phổi” của quốc gia nói riêng và trái đất nói chung.



Rừng 2.5 tuổi của TTF



## PHỤ LỤC 2 CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI TRONG NĂM 2009



- Hơn 450 triệu đồng dùng cho cứu trợ đồng bào bị lũ lụt tại miền Trung TTF đến thăm và trao quà cho bà con bị thiệt hại sau lũ tại TP. Qui Nhơn, xã Đồng Xuân, Sông Cầu, Tuy An, Tuy Phước... với tổng số tiền cứu trợ khoảng 450 triệu đồng (trong đó Chủ tịch TTF đóng góp 100 triệu đồng) và một số hiện vật quần áo, giày dép...

- 160 triệu đồng dùng để hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa

Chủ tịch TTF đã tài trợ 100 triệu để xây dựng nhà tình nghĩa cho các gia đình neo đơn tại miền Trung, và TTF đã tài trợ 60 triệu để xây nhà tình nghĩa cho hội chiến binh huyện Tân Uyên, Bình Dương.



- 600 triệu đồng dùng để trao học bổng cho sinh viên đại học Nông Lâm TPHCM cho giai đoạn 2009 - 2015

Đứng trước những khó khăn thiếu hụt nguồn nhân lực nhất là quản lý cấp cao và trung cho ngành chế biến gỗ, Tập Đoàn Trường Thành đã tự chủ động tìm đầu ra cho mình thông qua một số hoạt động trao học bổng mỗi năm ít nhất là 100 triệu đồng, đồng thời hợp tác đào tạo giữa kiến thức và thực tế cho Sinh viên các trường Đại học, Trung tâm dạy nghề.... Các hoạt động được thực hiện theo từng giai đoạn, từ 2009 – 2015 chúng tôi sẽ thường xuyên phối hợp với Trung tâm hỗ trợ sinh viên tại các Trường Đại học và dạy nghề tổ chức các chương trình giao lưu đa dạng các chủ đề thiết thực cho sinh viên như:



- Hướng nghiệp cho sinh viên sắp tốt nghiệp, trao tặng các suất học bổng khuyến học cho sinh viên nghèo, học giỏi, có hoài bão;

- Tạo điều kiện cho sinh viên đến tại các nhà máy của TTF để thâm nhập thực tế, viết luận văn, đề tài tốt nghiệp;

- Chương trình tham gia làm quản trị viên tập sự thực tế hai tháng tại các nhà máy của Trường Thành, hỗ trợ, tạo điều kiện bố trí việc làm chính thức sau tập sự, hưởng lương như những người làm việc chính thức.



- Trên 100 triệu dùng cho việc tài trợ một số chương trình của Hiệp hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ Thành Phố HCM (HAWA), Hiệp hội Chế biến Gỗ Bình Dương (BIFA), Quỹ Vì Trẻ em của Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam....



## CÂU HỎI VÀ TRẢ LỜI (Q & A)

### PHỤ LỤC 3 CÂU HỎI & TRẢ LỜI

Căn cứ vào các câu hỏi phổ biến của nhiều cổ đông và nhà đầu tư quan tâm gần đây, HĐQT thống nhất trình bày như sau:

**Câu 1: Tại sao năm 2009, với chương trình hỗ trợ lãi suất của Chính phủ, TTF vẫn phải chịu chi phí lãi vay là khá cao, đến 83 tỷ đồng, chỉ giảm 9 tỷ so với năm 2008?**

*Chương trình Hỗ trợ Lãi suất mà Chính phủ đưa ra áp dụng từ tháng 3 năm 2009, và chỉ được áp dụng trên những khoản giải ngân mới. Do đó, trong thực tế, mãi đến tháng 6 thì TTF mới trả hết nợ cũ. Bên cạnh đó, đến tháng 10 thì chương trình này cũng chấm dứt và 3 tháng cuối năm 2009 TTF lại tiếp tục chịu lãi suất của ngân hàng thương mại.*

**Câu 2: Tại sao tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu tăng cao trong năm 2009, so với 2008?**

*Thực tế, chúng ta đã quản lý giá vốn hàng bán khá thành công, nhưng do chúng ta phải giảm giá bán để dành thị trường và khách hàng, nhằm tranh thủ thời cơ để phát triển quy mô, tạo điều kiện cho năm 2010 có thể chọn lọc khách hàng mang lại nhiều lợi nhuận cho chúng ta hơn. Một phần nữa là, chi phí nhân công tại Việt Nam có tăng 5-10% trong 3 tháng cuối năm, góp phần làm giảm thêm một chút lợi nhuận của chúng ta.*

**Câu 3: Tại sao các khoản phải thu tăng hơn 6 lần so với năm 2008?**

*Năm nay, quy mô bán hàng của chúng ta đã tăng gần gấp 3 năm trước, đồng thời, số khách hàng lớn của chúng ta như Tesco (Anh), Home Retail Group (Anh), Pier1 Import (Mỹ), Lowe's (Mỹ), Costco (Mỹ), Ashley (Mỹ)... đều áp dụng phương thức thanh toán trả sau. Do đó, tại thời điểm 31/12 là thời điểm mùa hàng cao trong ngành, các khoản phải thu đã tăng cao tương ứng.*

**Câu 4: Tại sao không hợp nhất hết các công ty con mà chỉ hợp nhất tổng cộng 3 công ty trong báo cáo tài chính năm 2009?**

*Đối với các công ty mà TTF đã đầu tư và có quyền biểu quyết trên 50% (9 công ty được liệt kê trong báo cáo tài chính đã kiểm toán), ngoại trừ Công ty CP Trường Thành (Dak Lak 1) và Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Dak Lak 2), ngay từ đầu, chúng tôi đã thống nhất trong HĐQT cũng như thỏa thuận với từng công ty này là TTF giao quyền kiểm soát cho họ đến khi TTF ban hành Quy chế Quản trị Tập đoàn theo mô hình công ty mẹ - con. Trước đây, chúng tôi dự kiến hoàn tất Quy chế này trong năm 2009. Tuy nhiên, sau khi biên soạn sơ bộ đã hoàn tất trong tháng 10 thì việc xem xét để ban hành chính quy phù hợp tình hình thực tế lại kéo dài đến tháng 1 năm 2010. Do đó, nghiệp vụ kế toán tài chính của các công ty này, sau nhiều lần huấn luyện trong năm, vẫn chưa hoàn hảo để làm báo cáo tài chính năm 2009 kịp thời theo Quy chế này, đặc biệt là theo hạn định bởi Luật Chứng khoán dành cho công ty niêm yết. Do đó, việc hợp nhất sẽ được chính thức thực hiện đối từ năm 2010.*

Ngoài ra, theo Thông tư số 161/2007/TT-BTC ra ngày 31/12/2007, mục V “Hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán số 7: kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”, điều 1.1 có phần “Trường hợp nhà đầu tư nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư nhưng có thỏa thuận giữa bên nhận đầu tư và nhà đầu tư về việc nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể hoặc trường hợp nhà đầu tư giữ trên 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư nhưng có thỏa thuận về việc nhà đầu tư đó không nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư thì vẫn được kế toán khoản đầu tư đó là khoản đầu tư vào công ty liên kết” nên việc chúng tôi chỉ tiến hành hợp nhất trong năm 2009 với 2 công ty con nêu trên theo Báo cáo Tài chính đã được DTL kiểm toán là hoàn toàn hợp lệ theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính như đã nêu.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng xin báo cáo sơ bộ tình hình các công ty chưa được hợp nhất như sau:

- Các công ty thuộc mảng trồng rừng như Công ty CP Trồng rừng Trường Thành, Công ty CP Trường Thành Xanh, Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành đều đang hoạt động tốt. Các công ty này đã nhận được chấp thuận chủ trương đối với 90.000ha đất trồng rừng, đã hoàn tất thủ tục đất đai để trồng đối với diện tích gần 30.000ha, đã mua và trồng khoảng 6700ha, đang trồng khoảng 2200ha. Dự kiến sẽ khai thác lần đầu đối với 200-300ha rừng trong Quý 4 năm 2010. Do đó tiềm năng lợi nhuận là rất lớn từ năm 2010. Còn trước năm 2010, chúng ta chưa khai thác gỗ thì theo tiêu chuẩn hạch toán đối với sản phẩm lâm nghiệp sẽ làm cho việc hợp nhất tăng giá trị tài sản mà lại chưa làm tăng được hiệu quả hoạt động.
- Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành tại TP.HCM thì lại có quy mô rất nhỏ, lại đang nằm trong kế hoạch tái cấu trúc chuyển thành nhà máy làm bao bì cho Tập đoàn Trường Thành. Do đó, trong năm 2009, khi mà thị trường bị thu hẹp và tỷ suất lợi nhuận không cao, Công ty này đã được sử dụng để làm kho chứa hàng cho TTF, vì nếu hoạt động với quy mô nhỏ thì khó có thể đủ trang trải chi phí mà làm ra lợi nhuận ròng cho doanh nghiệp. Việc tái cơ cấu chuyển sang hình thức sản xuất kinh doanh mặt hàng hỗ trợ cho việc sản xuất kinh doanh chính của TTF sẽ được đệ trình thông qua phê duyệt của Đại hội Cổ đông TTF sắp tới.
- Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành tại Bình Dương, hay còn gọi là TTBD2, là niềm tự hào của việc sản xuất kinh doanh chính của TTF. Tuy nhiên, TTBD2 lại ra đời trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế từ 2008-2009, nên dù đã cố gắng hết sức để không bị lỗ theo kế hoạch kinh doanh đã thiết lập, thì công ty này cũng còn có mức lợi nhuận chưa đáng kể. Hiện tại, TTBD2 đã sản xuất trên điểm huê vốn và dự kiến sẽ có lợi nhuận tốt từ 2010.
- Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành tại Bình Dương, hay còn gọi là TTBD3, thì chỉ mới thành lập từ tháng 10 năm 2009, hiện chỉ đang trong giai đoạn xây dựng. Dự kiến đi vào hoạt động chính thức từ tháng 6 năm 2010.
- Công ty CP Quản lý Cụm CN Trường Thành Ea H’Leo tại Dak Lak thì cũng ra đời trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế nên chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư đăng ký tham gia thuê trong Cụm công nghiệp này. Do đó, Công ty cũng chưa đầu tư chi phí đáng kể vào hoạt động sản xuất kinh doanh này. Vì vậy, việc hợp nhất là chưa cần thiết khi cả doanh thu và chi phí đều nhỏ.

#### Câu 5: Tại sao không trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn?

Trước hết, các khoản tổn thất đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là những khoản tổn thất theo kế hoạch đã được Công ty xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư này. Tuy nhiên, Công ty cũng xin báo cáo sơ bộ về tình hình hoạt động của các công ty mà TTF đã đầu tư như sau:

- Các công ty trồng rừng, các công ty chế biến gỗ, công ty quản lý cụm công nghiệp: đã nêu rõ trong phần trả lời câu hỏi 4
- Quỹ Bản Việt: đã có lãi chia cho TTF
- Công ty CP Lidovit (cung cấp vật tư cho TTF): đã có lãi chia cho TTF trong nhiều năm nay
- Công ty CP Phú Hữu Gia: dự kiến khởi công vào cuối năm 2010 dự án khu đô thị sinh thái giai đoạn 1 là 56ha ở Nhơn Trạch, triển vọng lợi nhuận cao vì suất đầu tư ban đầu thấp mà vị thế của dự án lại rất tốt (trên đường cao tốc ra sân bay quốc tế Long Thành, Đồng Nai)
- Chỉ có công ty CP Chế biến Thực phẩm Sông Hậu là có lỗ nhỏ, còn lại các đầu tư liên kết trồng rừng còn lại với Lâm trường Krong Pac thì đều có lợi nhuận cao khi tiến hành khai thác.

#### Câu 6: Vay ngắn hạn của TTF lại tiếp tục tăng trong năm 2009 so với 2008? Liệu 2010 có tiếp tục xây ra tình trạng này?

Theo kế hoạch kinh doanh đã thiết lập thì trị giá vay cao nhất trong năm sẽ là 1150 tỷ đồng. Tuy nhiên, thực tế, vào 31/12/2009 thì trị giá này cũng mới ở mức 1024 tỷ. Nguyên nhân là chúng ta cần vốn nhiều hơn khi tăng quy mô hoạt động trong năm 2009. Hiện tại, chúng ta đang trong tiến trình đàm phán với một số tổ chức về vấn đề phát hành trái phiếu hay cổ phiếu trong năm 2010 trong phạm vi 5 triệu – 9 triệu trái phiếu hay cổ phiếu. Việc này cũng sẽ được trình ra cho Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong tháng 4 này. Do đó dự kiến, trị giá cũng như chi phí lãi vay sẽ giảm trong năm 2010.

#### Câu 7: Tồn kho nguyên liệu gỗ vẫn tăng trong năm 2009? Nguyên nhân?

Trong năm 2009, chúng ta đã tiêu thụ đáng kể tồn kho của năm 2008. Tuy nhiên, với dòng hàng mới đang tăng mạnh là đồ gỗ nội thất dành cho thị trường Mỹ, cùng với áp lực chuẩn bị tốt cho các đơn hàng cực lớn từ thị trường này, chúng ta đã vẫn phải mua nguyên liệu mới, sau khi đã tiêu thụ nhiều nguyên liệu cũ. Mặc dù tồn kho có tăng cao, nhưng ngược lại, chúng ta đã dành được niềm tin của nhiều khách hàng và có lợi thế cạnh tranh cao hơn với các bạn đồng ngành, mà bằng chứng là các đơn hàng rất lớn đã ký đến giữa năm 2011.

#### Câu 8: Nguyên liệu sẽ tăng hay giảm trong tương lai? Điều này rất quan trọng vì tồn kho nguyên liệu của TTF khá nhiều.

Giá nguyên liệu đã giảm khoảng 5% từ đầu năm đến cuối năm 2009. Tuy nhiên, trong Quý 1 năm 2010, đã có dấu hiệu tăng dần cũng ở mức 5%. Nếu kinh tế hồi phục, thị trường mở rộng trở lại thì khả năng tăng lên khoảng 10% là có thể, đặc biệt đối với các loại gỗ có nguồn gốc rõ ràng theo đạo luật Lacey (Mỹ) và hiệp định FLEGT (EU) mà TTF đang sở hữu rất nhiều.



**Câu 9:** Hiện tại TTF có danh mục đầu tư nhiều vào các công ty trồng rừng. Vậy vui lòng cho biết tình trạng sở hữu và trồng đối với từng khu vực mà các công ty này đang phát triển:

*Tại Dak Lak và Dak Nông: trong số đất được chấp thuận chủ trương của Chính phủ là 50.000ha, đã có thủ tục đất đai để trồng là 12.000ha, đã mua và trồng 4600ha, đang trồng 1400ha*

*Tại Phú Yên: trong số đất được chấp thuận chủ trương của Chính phủ là 40.000ha, đã có thủ tục đất đai để trồng là 17.000ha, đã mua và trồng 2100ha, đang trồng 800ha*

**Câu 10:** Mục tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 của TTF?

*Mục tiêu chính năm nay là tăng lợi nhuận và phát triển thương hiệu, chứ không tập trung vào việc tăng doanh số như năm 2008. Đó đó, dự kiến:*

- *Doanh số: Trên 1900 tỷ đồng*
- *Lợi nhuận ròng sau thuế: Trên 100 tỷ đồng*
- *Cổ tức: 20%*
- *Phát hành mới: 5.000.000 – 9.000.000 cổ phần hoặc trái phiếu*
- *Duy trì vị thế trở TOP 3 nhà sản xuất, thương mại và xuất khẩu sản phẩm gỗ có doanh số cao nhất Việt Nam;*
- *Trở thành một trong TOP 3 thương hiệu nội thất và ván sàn bằng gỗ tại thị trường nội địa;*



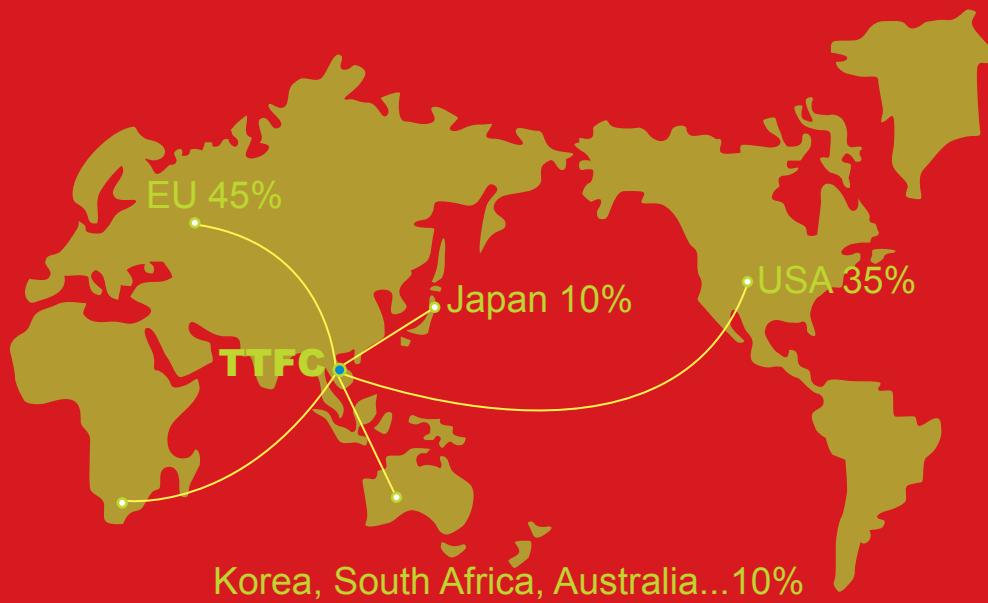
RỪNG 6 THÁNG TUỔI CỦA TTF



RỪNG 2.5 TUỔI CỦA TTF



RỪNG TTF SẼ KHAI THÁC NĂM 2010



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

Đường DT747, Khu phố 7, thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương

Điện thoại: (0650) 3642 004 Fax: (0650) 3642 006

Email: [contact@truongthanh.com](mailto:contact@truongthanh.com) Website: [www.truongthanh.com](http://www.truongthanh.com)